



ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU THANH KHOẢN IFNPVI

Hà Nội, tháng 3 năm 2026

MỤC LỤC

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ	5
II. ĐỊNH NGHĨA	6
CHƯƠNG I.	9
QUY ĐỊNH CHUNG	9
Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ của Quỹ	9
Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ	9
Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ	9
Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng Chứng Chi Quỹ được chào bán	9
Điều 5. Chi định Đại diện huy động vốn và chào bán Chứng Chi Quỹ	9
Điều 6. Công ty quản lý quỹ	9
Điều 7. Ngân hàng giám sát	10
Điều 8. Các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan	10
CHƯƠNG II.	11
CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ	11
Điều 9. Mục tiêu của Quỹ	11
Điều 10. Chiến lược đầu tư	11
Điều 11. Hạn chế đầu tư	13
Điều 12. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại và giao dịch ký quỹ	14
Điều 13. Phương pháp lựa chọn đầu tư	14
CHƯƠNG III.	15
NHÀ ĐẦU TƯ, SỐ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHI QUỸ	15
Điều 14. Nhà đầu tư	15
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu Tư	15
Điều 16. Số đăng ký Nhà Đầu Tư	16
Điều 17. Giao dịch Chứng Chi Quỹ	17
Điều 18. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch Chứng Chi Quỹ	18
Điều 19. Giá bán, giá mua lại	19
Điều 20. Thừa kế chứng chi quỹ	20
Điều 21. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ	21
CHƯƠNG IV.	21
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ	21
Điều 22. Đại hội nhà đầu tư	21
Điều 23. Đại hội nhà đầu tư bất thường	21
Điều 24. Hình thức tổ chức Đại hội nhà đầu tư	22
Điều 25. Điều kiện, thể thức tiến hành họp, thông qua quyết định Đại Hội Nhà Đầu Tư	22
Điều 26. Phản đối quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư	24
CHƯƠNG V.	25
BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	25
Điều 27. Ban đại diện Quỹ	25
Điều 28. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại Diện Quỹ	26
Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ	26
Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Đại Diện Quỹ	27

Điều 31. Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ	27
Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban Đại Diện Quỹ	28
Điều 33. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ	28
CHƯƠNG VI.	28
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	28
Điều 34. Tiêu chuẩn lựa chọn Công Ty Quản Lý Quỹ	28
Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ	29
Điều 36. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ	32
Điều 37. Hạn chế hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ	33
CHƯƠNG VII.	33
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	33
Điều 38. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát	33
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát	34
Điều 40. Hoạt động giám sát của Ngân Hàng Giám Sát	36
Điều 41. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát	37
CHƯƠNG VIII.	38
CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN	38
Điều 42. Các hoạt động được ủy quyền (các dịch vụ được thuê ngoài)	38
Điều 43. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan	38
Điều 44. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan	38
Điều 45. Trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền	39
Điều 46. Chấm dứt hoạt động ủy quyền	39
CHƯƠNG IX.	40
ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI	40
Điều 47. Điều kiện lựa chọn Đại Lý Phân Phối	40
Điều 48. Hoạt động của Đại Lý Phân Phối	40
Điều 49. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ	41
Điều 50. Hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với Quỹ do mình quản lý	41
CHƯƠNG X.	42
KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO	42
Điều 51. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty kiểm toán	42
Điều 52. Năm tài chính	42
Điều 53. Chế độ kế toán	42
Điều 54. Báo cáo tài chính	42
Điều 55. Báo cáo khác	42
CHƯƠNG XI.	42
GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ	42
Điều 56. Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ	42
Điều 57. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá	43
Điều 58. Nguyên tắc, quy trình và phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ	43
Điều 59. Đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu Tư, Quỹ	45
CHƯƠNG XII.	45

GIÁ DỊCH VỤ PHÁT HÀNH, THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	45
Điều 60. Giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ lưu ký, giám sát	45
Điều 61. Thu nhập của Quỹ	47
Điều 62. Chi phí hoạt động của Quỹ	47
Điều 63. Chi phí khác	48
Điều 64. Phân chia lợi tức của Quỹ	48
CHƯƠNG XIII.	49
TÁI CƠ CẤU, GIẢI THỂ QUỸ	49
Điều 65. Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách Quỹ	49
Điều 66. Giải thể Quỹ	49
CHƯƠNG XIV.	49
GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH	49
Điều 67. Kiểm soát xung đột lợi ích	49
CHƯƠNG XV.	50
CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ	50
Điều 68. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà Đầu Tư	50
Điều 69. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ	50
Điều 70. Đăng ký Điều lệ, điều khoản thi hành	50
PHỤ LỤC 1	52
CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	52
PHỤ LỤC 2	54
CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	54
PHỤ LỤC 3	55
CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	55

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp.
2. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua vào ngày 26/11/2019.
3. Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024.
4. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
5. Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
6. Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ.
7. Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.
8. Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ("Thông tư 98").
9. Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ("Thông tư 136").
10. Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng cho quỹ mở.
11. Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30/06/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
12. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
13. Thông tư số 101/2021/TT-BTC ngày 17/11/2021 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
14. Các văn bản pháp luật có liên quan khác.

II. ĐỊNH NGHĨA

Quỹ	Là Quỹ đầu tư trái phiếu thanh khoản IFNPVI, thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng, hoạt động theo mô hình quỹ mở, được quản lý bởi Công Ty Quản Lý Quỹ, được tổ chức và hoạt động theo quy định hiện hành về pháp luật chứng khoán và Điều lệ này.
Công Ty Quản Lý Quỹ	Là Công ty Cổ phần Quản lý quỹ PVI (PVI AM), được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 55/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03/02/2015 (và các giấy phép được điều chỉnh tại từng thời điểm). Công Ty Quản Lý Quỹ được Nhà Đầu Tư ủy thác quản lý quỹ, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật liên quan.
Ngân Hàng Giám Sát	Là Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 29/11/2004 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm) và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 106/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14/05/2003 hoặc bất kỳ ngân hàng giám sát nào khác được chỉ định thay thế, cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát được quy định tại Điều lệ này và pháp luật liên quan.
Công Ty Kiểm Toán	Là một công ty kiểm toán độc lập nằm trong danh sách công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận và được Đại Hội Nhà Đầu Tư chỉ định theo quy định của Điều lệ này và pháp luật Việt Nam để thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ.
Đại Lý Phân Phối	Là Công ty Cổ phần Quản lý quỹ PVI và/hoặc tổ chức đã ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ và đáp ứng điều kiện lựa chọn Đại lý phân phối quy định tại Điều lệ này.
Điều Lệ Quỹ	Bao gồm văn bản này, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có). Điều Lệ Quỹ lần đầu do Công Ty Quản Lý Quỹ xây dựng theo quy định tại Điều 103 Luật Chứng khoán và theo mẫu điều lệ được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC, được thông qua tại Đại Hội Nhà Đầu Tư.
Bản Cáo Bạch	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và phát hành Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ.
Hợp Đồng Giám Sát	Là hợp đồng được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát được thông qua bởi Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ.

Nhà Đầu Tư	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ Chứng Chi Quỹ.
Đại Hội Nhà Đầu Tư	Là đại hội của Nhà Đầu Tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.
Ban Đại Diện Quỹ	Là những người đại diện cho Nhà Đầu Tư được Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ bầu ra để thay mặt Nhà Đầu Tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.
Vốn Điều Lệ	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà Đầu Tư thực góp tại đợt phát hành Chứng Chi Quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ này.
Chứng Chi Quỹ	Là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của Nhà Đầu Tư đối với một phần vốn góp tại Quỹ. Mệnh giá 01 Chứng Chi Quỹ là 10.000 đồng.
Giá Bán/ Giá Phát Hành	Là mức giá Nhà Đầu Tư phải thanh toán để mua một đơn vị quỹ. Giá bán/ Giá phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) hoặc bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cộng thêm Giá Dịch Vụ Phát Hành đã quy định tại Điều lệ/ Bản Cáo Bạch của Quỹ.
Giá Mua Lại (nếu có)	Là mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà Đầu Tư một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại Chứng Chi Quỹ đã quy định tại Điều Lệ Quỹ.
Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ	Là giá dịch vụ phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ là được quy định tại Điều Lệ Quỹ.
Giá Dịch Vụ Phát Hành/ Giá Dịch Vụ Mua Lại (nếu có)	Là giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư phải trả khi mua/bán một đơn vị Chứng Chi Quỹ cho Quỹ. Giá dịch vụ phát hành/ Giá dịch vụ mua lại tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng Chi Quỹ quy định tại Điều lệ này.
Lợi Tức Quỹ/ Cổ Tức Quỹ	Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định phân chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà Đầu Tư.
Năm Tài Chính	Là 12 tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ ("NAV")	Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các khoản nợ và chi phí phải trả của Quỹ.
Ngày Định Giá	Là ngày mà Công Ty Quản Lý Quỹ xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ.

Ngày Giao Dịch (nếu có)	Là ngày mà Công Ty Quản Lý Quỹ, thay mặt Quỹ, phát hành và mua lại Chứng Chi Quỹ hoặc lô Chứng Chi Quỹ từ thành viên lập quỹ, Nhà Đầu Tư theo cơ chế giao dịch của quỹ.
Thời Điểm Đóng Số Lệnh	Là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà Đầu Tư để thực hiện trong Ngày Giao Dịch Chứng Chi Quỹ.
Người Có Liên Quan	Là những cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 4.46 Luật Chứng khoán và theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
UBCKNN	Là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
Các định nghĩa khác	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản có liên quan.

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ của Quỹ

1. Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU THANH KHOẢN IFNPVI
2. Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: IFNPVI Liquidity Bond Investment Fund
3. Tên viết tắt: IFNPVI
4. Địa chỉ liên hệ: Tầng 22, Tòa nhà PVI, Lô VP 2, số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
5. Điện thoại: 024 32565555 Fax: 024 32565556
6. Website: <https://www.pviam.com.vn>

Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ

Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động. Việc thay đổi về thời hạn hoạt động của Quỹ sẽ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư.

Quỹ chính thức bắt đầu hoạt động sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ. Thời hạn hoạt động của Quỹ sẽ kết thúc ngay sau khi Quỹ bị giải thể theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc theo quyết định của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng Chứng Chỉ Quỹ được chào bán

1. Vốn Điều Lệ huy động được trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ tối thiểu là 50.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng).
2. Vốn Điều Lệ sẽ được chia thành các Chứng Chỉ Quỹ. Mệnh giá của mỗi Chứng Chỉ Quỹ là 10.000 VNĐ (Bằng chữ: Mười nghìn đồng).
3. Nhà Đầu Tư góp vốn bằng tiền Đồng Việt Nam dưới hình thức chuyển khoản hoặc chuyển tiền vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân Hàng Giám Sát.
4. Số lượng Chứng Chỉ Quỹ/lô Chứng Chỉ Quỹ được phép lưu hành tối đa: không hạn chế.
5. Việc thay đổi giá trị tài sản huy động tối đa hoặc số lượng/số lô Chứng Chỉ Quỹ huy động tối đa phải do Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định và phải thông báo cho UBCKNN.

Điều 5. Chỉ định Đại diện huy động vốn và chào bán Chứng Chỉ Quỹ

Đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quỹ được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán Chứng Chỉ Quỹ ra công chúng.

Điều 6. Công ty quản lý quỹ

1. Tên công ty quản lý quỹ:
 - Tên tiếng Việt Công ty Cổ phần Quản lý quỹ PVI
 - Tên tiếng Anh PVI Asset Management Joint Stock Company
 - Tên viết tắt PVIAM
2. Giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ số 55/GP-UBCK do UBCKNN

cấp ngày 03/02/2015 và các giấy phép được điều chỉnh tại từng thời điểm.

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106773521 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 03/02/2015 và các giấy phép được thay đổi tại từng thời điểm.
4. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 22, Tòa nhà PVI, Lô VP 2, số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam.
5. Điện thoại: (84-24) 32 565 555 Fax: (84-24) 32 565 565
6. Website: <http://www.pviam.com.vn>

Điều 7. Ngân hàng giám sát

1. Tên ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa.
2. Giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh số: 0100150619-079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 29/11/2004 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).
3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số: 106/QĐ-UBCK do UBCKNN cấp ngày 14/05/2003 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).
4. Trụ sở chính: 56 (sau), 58, 60, 62, 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
5. Điện thoại: (+8428) 3821 8812 Fax: (+8428) 3914 4714
6. Website: www.bidv.com.vn

Điều 8. Các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Đại lý chuyển nhượng:
 - Tên tổ chức được ủy quyền: Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.
 - Địa chỉ trụ sở chính: 112 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội.
 - ĐKKD số: 26/2022/QĐ-TTg ngày 16/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ.
 - Lĩnh vực hoạt động chính: Lưu ký chứng khoán.
 - Phạm vi dịch vụ được ủy quyền: Đại lý chuyển nhượng cho quỹ mở.
2. Tổ chức được ủy quyền cung cấp dịch vụ quản trị quỹ:
 - Tên ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa.
 - Tên viết tắt: BIDV Nam Kỳ Khởi Nghĩa.
 - Giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh số: 0100150619-079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 29/11/2004 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).
 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số: 106/QĐ-UBCK do UBCKNN cấp ngày 14/05/2003 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).
 - Trụ sở chính: 56 (sau), 58, 60, 62, 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
 - Điện thoại: (+8428) 3821 8812
 - Fax: (+8428) 3914 4714

- Website: www.bidv.com.vn
- Lĩnh vực hoạt động chính: Ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán và đầu tư tài chính.
- Phạm vi dịch vụ được ủy quyền: Dịch vụ quản trị quỹ.

CHƯƠNG II.

CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 9. Mục tiêu của Quỹ

Quỹ tối ưu lợi nhuận bằng cách đầu tư vào tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt, thanh khoản linh hoạt, phù hợp với các khoản tiền nhàn rỗi trong ngân hạn của Nhà Đầu Tư, đem lại lợi nhuận ổn định và cạnh tranh so với gửi tiết kiệm không kỳ hạn hoặc kỳ hạn ngắn, đồng thời đảm bảo thanh khoản cho Chứng Chi Quỹ thông qua đầu tư vào các tài sản có thu nhập cố định và thanh khoản cao.

Điều 10. Chiến lược đầu tư

1. Chiến lược đầu tư:

Quỹ sẽ tuân thủ một chiến lược đầu tư có kỷ luật nhằm tạo dòng thu nhập đều đặn.

Quỹ sẽ duy trì một danh mục đầu tư đa dạng gồm các tài sản có thu nhập cố định bao gồm tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được bảo lãnh bởi Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu doanh nghiệp có chất lượng tín dụng cao.

Quỹ sử dụng phương pháp tiếp cận đầu tư từ dưới lên trong việc lựa chọn từng trái phiếu thông qua đánh giá phân tích tổ chức phát hành (doanh nghiệp), đồng thời áp dụng phương thức đầu tư đi từ trên xuống để đánh giá tổng thể xu thế của kinh tế vĩ mô, chính sách của Nhà nước, các ngành hưởng lợi cũng như tiềm năng sinh lời và an toàn tín dụng của tổ chức phát hành. Ngoài ra, dựa trên nhận định của Công Ty Quản Lý Quỹ về tình hình kinh tế vĩ mô và xu hướng lãi suất, tài sản của Quỹ sẽ được phân bổ nhằm đạt được mục tiêu của Quỹ.

Đối với trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương, Quỹ sẽ tập trung vào kỳ hạn, loại hình, thanh khoản và tác động đến nền kinh tế vĩ mô và xu hướng lãi suất, thanh khoản và các yếu tố khác nhau.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp, Quỹ áp dụng phương pháp phân tích cơ bản để đánh giá chất lượng của tổ chức phát hành, dòng tiền và khả năng thanh toán nợ. Quỹ sẽ ưu tiên đầu tư vào trái phiếu do các tổ chức phát hành có nền tảng kinh tế tốt, dòng tiền ổn định, đòn bẩy tài chính hợp lý và tình hình kinh doanh bền vững.

2. Lĩnh vực, ngành nghề đầu tư của Quỹ:

Quỹ được phép đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề không bị cấm theo quy định pháp luật. Công Ty Quản Lý Quỹ chủ động lựa chọn lĩnh vực, ngành nghề đầu tư phù hợp với tình hình thực tế của thị trường, của Quỹ nhằm đảm bảo thực hiện mục tiêu đầu tư đồng thời tuân thủ tuyệt đối các quy định pháp luật và quy định của Điều lệ này.

3. Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư bao gồm:

- a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật.
- b) Công cụ thị trường tiền tệ, bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.
- c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương.
- d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao

dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng.

- e) Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, có bảo lãnh thanh toán của tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có cam kết mua lại trước hạn của tổ chức phát hành tối thiểu 01 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt mức xếp hạng quy định tại Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư 136 tại báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất nhưng không quá 01 năm tính đến thời điểm Quý thực hiện đầu tư. Trường hợp có từ 02 mức xếp hạng tín nhiệm trở lên của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập khác nhau đối với cùng 01 trái phiếu hoặc cùng 01 tổ chức phát hành, các mức xếp hạng tín nhiệm phải đạt mức xếp hạng quy định tại Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư 136.

Trong trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm, Công Ty Quản Lý Quỹ phải bán các trái phiếu đó trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày có kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật hoặc kể từ ngày kết thúc xếp hạng tín nhiệm, trừ trường hợp trái phiếu có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống.

- f) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

4. Việc đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 3 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Có quy định tại Điều Lệ Quỹ và Bản Cáo Bạch.
- b) Đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện.
- c) Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán hoặc có cam kết mua lại trước hạn thì phải có tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành.
- d) Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm thì phải có báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất, báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật, tài liệu về thời hạn thực hiện hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và bậc xếp hạng tín nhiệm của tổ chức xếp hạng tín nhiệm. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành, Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.
- e) Việc đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ phải được thực hiện theo quy trình quản lý rủi ro do Công Ty Quản Lý Quỹ xây dựng, được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt trước khi áp dụng, cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát để giám sát việc tuân thủ quy trình. Quy trình tối thiểu bao gồm các nội dung về tiêu chí lựa chọn trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ, tiêu chí lựa chọn tổ chức phát hành, cách thức đánh giá, đo lường rủi ro và phương pháp quản lý các rủi ro.

5. Danh mục đầu tư của Quỹ được Công Ty Quản Lý Quỹ chủ động quyết định và phải phù hợp với mục tiêu, chiến lược đầu tư và các quy định tại Thông tư hướng dẫn hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán.

Điều 11. Hạn chế đầu tư

1. Hạn mức của Quỹ được quy định chi tiết tuân thủ các quy định tại Thông tư hướng dẫn hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán đối với từng loại hình quỹ. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các hạn mức đầu tư sau:
 - a) Quỹ đầu tư vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng trở lên.
 - b) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ.
 - c) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 10 Điều lệ này của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ.
 - d) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e và f khoản 3 Điều 10 Điều lệ này, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây:
 - Công ty mẹ, công ty con;
 - Các công ty có quan hệ sở hữu trên ba mươi lăm phần trăm (35%) cổ phần, phần vốn góp của nhau;
 - Nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ.
 - e) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10 Điều lệ này, trong đó, không được đầu tư quá năm phần trăm (5%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch bị hạn chế chuyển nhượng từ ba (03) năm trở lên. Trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10 Điều lệ này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán, Quỹ không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10 Điều lệ này và vào các trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10 Điều lệ này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán.
 - f) Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính Quỹ IFNPVI và các chứng chỉ quỹ đại chúng khác.
 - g) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại hiếm, và những tài sản chưa được công nhận và quản lý bởi quy định pháp luật.
2. Cơ cấu đầu tư của quỹ mở chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại điểm b, c, d, e khoản 1 Điều này và chỉ do các nguyên nhân sau:
 - a) Do biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ.
 - b) Do thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư.
 - c) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh.
 - d) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

3. Trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày có các sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại khoản 2 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều này.
4. Trường hợp sai lệch do Công Ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều Lệ Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin và điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công Ty Quản Lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận phải hạch toán ngay khi mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.
5. Trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công Ty Quản Lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho UBCKNN về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo ra cho Quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.
6. Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 10 Điều lệ này của các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.

Điều 12. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại và giao dịch ký quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.
2. Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật về ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch Chứng Chỉ Quỹ với Nhà Đầu Tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm theo quy định pháp luật hiện hành và thời hạn vay tối đa ba mươi (30) ngày.
3. Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng tài sản Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch mua bán khống, cho vay chứng khoán.
4. Quỹ được phép thực hiện giao dịch mua bán lại công cụ nợ của Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch công cụ nợ của Chính phủ.

Điều 13. Phương pháp lựa chọn đầu tư

Quỹ sẽ tập trung đầu tư vào tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu doanh nghiệp niêm yết và chuẩn bị niêm yết trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày giao dịch, trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành và các tài sản có thu nhập cố định khác được pháp luật cho phép. Trái phiếu doanh nghiệp được xem xét đầu tư nếu được phát hành bởi các công ty có xếp hạng tín dụng cao và/hoặc trái phiếu được bảo lãnh bởi các ngân hàng có uy tín.

Quỹ sẽ đồng thời áp dụng phương pháp tiếp cận đầu tư đi từ trên xuống (Top-Down Approach), trong đó việc đầu tư và phân bổ trái phiếu sẽ dựa trên những đánh giá tổng thể về xu thế của kinh tế vĩ mô, chính sách của Nhà nước và an toàn tín dụng của tổ chức phát hành. Quỹ cũng sử dụng phương pháp tiếp cận đầu tư đi từ dưới lên (Bottom-Up Approach) trong việc lựa chọn từng mã trái phiếu, số lượng mua/bán, công cụ có thu nhập cố định cụ thể thông qua việc đánh giá diễn biến riêng lẻ của các trái phiếu và các công cụ này trước tác động của xu hướng thị trường, cũng như tình hình tài chính, dòng tiền và khả năng trả nợ của doanh nghiệp.

Quỹ sẽ đánh giá những diễn biến của thị trường trái phiếu, thị trường tiền tệ để phân bổ tỷ trọng các loại tài sản nói trên và tiền mặt ở một tỷ lệ thích hợp, vừa đảm bảo khả năng sinh lời, vừa đảm bảo khả năng thanh khoản của danh mục.

CHƯƠNG III.

NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Điều 14. Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư của Quỹ là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, sở hữu Chứng Chỉ Quỹ. Nhà Đầu Tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng Chỉ Quỹ mà họ sở hữu.
2. Nhà đầu tư là tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà đầu tư là tổ chức sẽ cử người đại diện hợp pháp để đại diện cho sổ Chứng Chỉ Quỹ mà tổ chức đó đang sở hữu. Việc bổ nhiệm, bãi nhiệm hoặc thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản cho Quỹ và do người đại diện hợp pháp của tổ chức đó ký.
3. Công Ty Quản Lý Quỹ, người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ được phép giao dịch Chứng Chỉ Quỹ theo phương thức được quy định trong Bản Cáo Bạch và trở thành Nhà Đầu Tư.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu Tư

1. Nhà Đầu Tư có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 101 Luật Chứng khoán.
 - b) Quyền được đối xử công bằng; mỗi Chứng Chỉ Quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau.
 - c) Quyền tự do chuyển nhượng Chứng Chỉ Quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại Điều Lệ Quỹ.
 - d) Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Quỹ.
 - e) Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác).
 - f) Nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền mua Chứng Chỉ Quỹ trong thời hạn quy định tại Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua Chứng Chỉ Quỹ.
 - g) Tuân thủ các quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư và Ban Đại Diện Quỹ hoặc của Công Ty Quản Lý Quỹ nếu được ủy quyền để đưa ra các quyết định đó phù hợp với Điều lệ này và quy định pháp luật.
 - h) Đồng ý rằng các thông tin của người sở hữu Chứng Chỉ Quỹ có thể tiết lộ cho Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và theo quy định pháp luật.
 - i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và tại Điều lệ này.
2. Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên tổng số

Chứng Chi Quỹ đang lưu hành có các quyền sau đây:

- a) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Ban Đại Diện Quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của Ngân Hàng Giám Sát liên quan đến hoạt động của Quỹ.
 - b) Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường trong các trường hợp sau:
 - Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát vi phạm quyền của Nhà Đầu Tư hoặc nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều Lệ Quỹ, Hợp Đồng Giám Sát hoặc được giao bởi Đại Hội Nhà Đầu Tư, gây tổn thất cho Quỹ;
 - Ban Đại Diện Quỹ đã hết nhiệm kỳ trên sáu (06) tháng mà chưa được bầu thay thế;
 - Các trường hợp khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.
 - c) Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của Quỹ. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát phải trả lời Nhà Đầu Tư.
 - d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại Hội Nhà Đầu Tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công Ty Quản Lý Quỹ chậm nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc.
 - e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.
3. Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư sở hữu từ mười phần trăm (10%) trở lên tổng số Chứng Chi Quỹ đang lưu hành có các quyền đề cử người vào Ban Đại Diện Quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử áp dụng tương tự theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) trở lên tổng số cổ phần phổ thông.
4. Yêu cầu, kiến nghị của Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 2, 3 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Nhà Đầu Tư là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với Nhà Đầu Tư là tổ chức; số lượng Chứng Chi Quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng Nhà Đầu Tư, tổng số Chứng Chi Quỹ của cả nhóm Nhà Đầu Tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số Chứng Chi Quỹ đang lưu hành của Quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều Lệ Quỹ, Hợp Đồng Giám Sát.

Điều 16. Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư

1. Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng lập và quản lý sổ đăng ký Nhà Đầu Tư chính ("Sổ chính") hoặc ủy quyền đại lý ký danh lập, quản lý đăng ký Nhà Đầu Tư phụ ("Sổ phụ") và xác nhận quyền sở hữu Chứng Chi Quỹ cho Nhà Đầu Tư. Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư của Quỹ có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai.
2. Sổ chính, Sổ phụ (nếu có) phải có các thông tin sau:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của

Ngân Hàng Giám Sát; tên đầy đủ của Quỹ;

- b) Tổng số Chứng Chi Quỹ được quyền chào bán, tổng số Chứng Chi Quỹ đã bán và tổng vốn huy động được cho Quỹ;
 - c) Thông tin về Nhà Đầu Tư bao gồm:
 - Đối với Nhà Đầu Tư là cá nhân: họ và tên, số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, địa chỉ liên lạc, số điện thoại và địa chỉ thư điện tử (nếu có).
 - Đối với Nhà Đầu Tư là tổ chức: tên đầy đủ, tên viết tắt, số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính; họ và tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, địa chỉ liên lạc, số điện thoại, và địa chỉ thư điện tử (nếu có) của cá nhân được tổ chức ủy quyền giao dịch Chứng Chi Quỹ của tổ chức đó; số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có); số tài khoản của Nhà Đầu Tư hoặc số tiểu khoản kèm theo số tài khoản ký danh, mã số đăng ký giao dịch chứng khoán (đối với nhà đầu tư nước ngoài).
 - d) Số lượng Chứng Chi Quỹ sở hữu; tỷ lệ sở hữu; ngày đăng ký mua; ngày thanh toán.
 - e) Ngày lập số đăng ký Nhà Đầu Tư.
3. Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyên nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà Đầu Tư, kể cả Nhà Đầu Tư giao dịch trên tài khoản ký danh. Thông tin về tài sản của Nhà Đầu Tư trên Sổ chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu Chứng Chi Quỹ của Nhà Đầu Tư. Quyền sở hữu của Nhà Đầu Tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà Đầu Tư được cập nhật tại Sổ chính.

Điều 17. Giao dịch Chứng Chi Quỹ

1. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ có hiệu lực, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức giao dịch Chứng Chi Quỹ cho Nhà Đầu Tư. Hoạt động giao dịch phải được tổ chức định kỳ theo quy định tại Điều Lệ Quỹ và đã được công bố tại Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt. Tần suất giao dịch tối thiểu 02 lần trong 01 tháng.
2. Tần suất giao dịch của Quỹ:

Nhà Đầu Tư có thể mua, bán, chuyển đổi Quỹ hoặc chuyển nhượng Chứng Chi Quỹ vào một trong các Ngày Giao Dịch. Ngày Giao Dịch được xác định như sau:

 - Các ngày làm việc trong tuần, từ thứ Hai đến thứ Sáu (tần suất giao dịch hàng ngày).
 - Ngày Giao Dịch sẽ không bao gồm các ngày nghỉ lễ, kể cả nghỉ bù theo quy định của pháp luật.

Ngày có hiệu lực của việc áp dụng giao dịch vào ngày làm việc trong tuần sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ thông báo công khai trên website của Công Ty Quản Lý Quỹ.

Tần suất giao dịch được quy định tại Bản Cáo Bạch và/hoặc công bố trên website Công Ty Quản Lý Quỹ và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một tháng.
3. Lệnh mua sẽ được chấp nhận để thực hiện khi Quỹ đã nhận được khoản thanh toán đầy đủ bởi Nhà Đầu Tư.
4. Lệnh bán sẽ được chấp nhận để thực hiện khi Nhà Đầu Tư có đủ số lượng Chứng Chi Quỹ đăng ký bán và thỏa mãn điều kiện số dư còn lại tối thiểu hoặc Nhà Đầu Tư có thể đăng ký bán hết số dư trong tài khoản.



5. Lệnh chuyển đổi quỹ chỉ được thực hiện khi Công Ty Quản Lý Quỹ có từ hai (02) quỹ mở trở lên nhằm bán chứng chỉ quỹ của quỹ này để mua chứng chỉ quỹ của quỹ khác được chấp nhận để thực hiện khi số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký bán thỏa mãn điều kiện của một Lệnh bán hợp lệ.
6. Lệnh mua/Lệnh bán/Lệnh chuyển đổi quỹ được chấp nhận (Lệnh Được Chấp Nhận) được Đại Lý Phân Phối nhận cho đến Thời Điểm Đóng Sở Lệnh cho Ngày Giao Dịch sẽ được thực hiện vào Ngày Giao Dịch đó. Tất cả các Lệnh Được Chấp Nhận nhận sau Thời Điểm Đóng Sở Lệnh sẽ được thực hiện vào Ngày Giao Dịch tiếp theo. Thời Điểm Đóng Sở Lệnh là thời điểm cuối cùng mà Đại Lý Phân Phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà Đầu Tư để thực hiện trong Ngày Giao Dịch của Chứng Chỉ Quỹ. Thời điểm đóng sổ lệnh được quy định tại Điều Lệ Quỹ, công bố công khai tại Bản Cáo Bạch và không được muộn quá thời điểm đóng của thị trường của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ. Hiện tại, Thời Điểm Đóng Sở Lệnh cho Ngày Giao Dịch "T" là 14 giờ 30 phút ngày T-1.
7. Tiền mua Chứng Chỉ Quỹ sau khi chuyển khoản vào tài khoản tiền của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát thì được giải ngân để đầu tư ngay trong Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm thanh toán lãi suất cho Quỹ, tối thiểu bằng lãi suất không kỳ hạn, cho kỳ hạn kể từ ngày Quỹ nhận được tiền mua Chứng Chỉ Quỹ từ Nhà Đầu Tư.
8. Nhà Đầu Tư có thể chọn tham gia mua Chứng Chỉ Quỹ theo các chương trình đầu tư quy định tại Bản Cáo Bạch.

Điều 18. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu Tư khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - a) Tổng giá trị của các Lệnh bán (bao gồm cả Lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi quỹ) trừ tổng giá trị các Lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại Ngày Giao Dịch lớn hơn hoặc bằng năm phần trăm (5%) Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ.
 - b) Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư tại Ngày Giao Dịch dẫn đến: NAV của Quỹ thấp hơn 50.000.000.000 VNĐ (Năm mươi tỉ đồng).
 - c) Sau khi đã nỗ lực tối đa và cân bằng lợi ích Nhà Đầu Tư mà việc bán chứng khoán để lấy tiền mặt để đáp ứng Tổng giá trị của tất cả các Lệnh bán (bao gồm cả Lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi quỹ) trừ đi tổng giá trị của tất cả các Lệnh mua (bao gồm cả Lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi Quỹ) tại Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư không thể thực hiện được do:
 - Tính thanh khoản của thị trường thấp; hoặc
 - Một (hoặc nhiều) chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ bị đình chỉ giao dịch do quyết định của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 18 Điều lệ này.
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Trường hợp đáp ứng một phần Lệnh bán, Lệnh mua, Lệnh chuyển đổi như quy định tại điểm a, b, c, d nêu trên, thì số tiền để thanh toán cho Nhà Đầu Tư là số dư tiền mặt trừ các nghĩa vụ phải trả của theo số liệu do Tổ chức được ủy quyền dịch vụ quản trị quỹ cung cấp tại Ngày Giao Dịch.

2. Trường hợp thực hiện một phần Lệnh bán, Lệnh mua, Lệnh chuyển đổi quỹ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ áp dụng theo nguyên tắc cùng một tỷ lệ: phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các Nhà Đầu Tư đăng ký giao

- dịch theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch.
3. Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán tối đa ba mươi (30) ngày sau khi được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận, kể từ Ngày Giao Dịch Chứng Chi Quỹ.
 4. Công Ty Quản Lý Quỹ có thể tạm dừng các giao dịch Chứng Chi Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a) Công Ty Quản Lý Quỹ không thể thực hiện việc mua lại Chứng Chi Quỹ theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng.
 - b) Công Ty Quản Lý Quỹ không thể xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ vào ngày định giá mua lại Chứng Chi Quỹ do chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ bị đình chỉ giao dịch theo quyết định của Sở giao dịch chứng khoán.
 - c) Sau khi đã nỗ lực tối đa để xử lý tài sản của Quỹ và cân bằng lợi ích Nhà Đầu Tư mà số dư tiền mặt trừ các nghĩa vụ phải trả của Quỹ theo số liệu mà do Tổ chức được ủy quyền dịch vụ quản trị quỹ cung cấp tại Ngày Giao Dịch bằng không.
 - d) Các sự kiện khác do UBCKNN xét thấy là cần thiết.
 5. Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo Ban Đại Diện Quỹ, UBCKNN trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này, trừ trường hợp theo yêu cầu của UBCKNN và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại Chứng Chi Quỹ ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.
 6. Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chi Quỹ tối đa sẽ là chín mươi (90) ngày, kể từ ngày tạm dừng giao dịch Chứng Chi Quỹ đối với các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.
 7. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chi Quỹ theo quy định tại khoản 6 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chi Quỹ. Trong thời hạn triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Chứng Chi Quỹ theo quy định tại khoản 4 Điều này chấm dứt, Công Ty Quản Lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư và có trách nhiệm tiếp tục giao dịch Chứng Chi Quỹ.

Điều 19. Giá bán, giá mua lại

1. Giá Phát Hành:

- Giá Phát Hành một Chứng Chi Quỹ là mức giá mà Nhà Đầu Tư phải thanh toán cho Công Ty Quản Lý Quỹ.
- Giá Phát Hành lần đầu của một Chứng Chi Quỹ là 10.000 đồng cộng Giá Dịch Vụ Phát Hành đã được công bố chi tiết tại Bản Cáo Bạch.
- Giá Phát Hành các lần tiếp theo bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại Ngày Giao Dịch Chứng Chi Quỹ cộng thêm Giá Dịch Vụ Phát Hành Chứng Chi Quỹ (nếu có) tại các Ngày Giao Dịch sau khi chuyển đổi.

2. Giá Mua Lại:

Giá mua lại một Chứng Chi Quỹ là mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà Đầu Tư. Giá Mua Lại bằng giá trị tài sản ròng trên một Chứng Chi Quỹ tại Ngày Giao Dịch Chứng Chi Quỹ trừ đi Giá Dịch Vụ Mua Lại (nếu có).

3. Giá Dịch Vụ Phát Hành:

- Giá Dịch Vụ Phát Hành áp dụng cho Lệnh mua cho Công Ty Quản Lý Quỹ quy định tại Bản Cáo Bạch và công bố công khai vào từng thời điểm nhưng đảm bảo không vượt

- quá năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch. .
 - Trong mọi trường hợp Giá Dịch Vụ Phát Hành không được vượt quá mức tối đa do pháp luật quy định.
 - Giá Dịch Vụ Phát Hành sẽ được hạch toán tại Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối căn cứ theo hợp đồng ký giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối.
4. Giá Dịch Vụ Mua Lại:
- Giá Dịch Vụ Mua Lại đối với các Chứng Chỉ Quỹ sẽ do Công Ty Quản Lý Quỹ quy định tại Ban Cáo Bạch và công bố công khai vào từng thời điểm nhưng đảm bảo không vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch. .
 - Trong mọi trường hợp Giá Dịch Vụ Mua Lại không được vượt quá mức tối đa do pháp luật quy định.
 - Giá Dịch Vụ Mua Lại sẽ được trừ vào khoản tiền bán được trả lại cho các Nhà Đầu Tư khi thực hiện các lệnh bán và được hạch toán cho Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối.
5. Giá dịch vụ chuyển đổi quỹ:
- Giá dịch vụ chuyển đổi quỹ là giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư phải trả khi thực hiện chuyển đổi đầu tư giữa các quỹ mở do Công Ty Quản Lý Quỹ quy định tại Ban Cáo Bạch và công bố công khai vào từng thời điểm nhưng đảm bảo không vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch.
 - Trong mọi trường hợp Giá dịch vụ chuyển đổi quỹ không được vượt quá mức tối đa do pháp luật quy định.
 - Khi thực hiện chuyển đổi, Nhà Đầu Tư chỉ thanh toán Giá dịch vụ chuyển đổi quỹ trên giá trị đăng ký chuyển đổi, mà không phải thanh toán Giá Dịch Vụ Mua Lại đối với quỹ hiện tại và Giá Dịch Vụ Phát Hành đối với quỹ mục tiêu.
6. Giá Dịch Vụ Mua Lại, Giá Dịch Vụ Phát Hành, giá dịch vụ chuyển đổi quỹ được phép quy định với các mức khác nhau, căn cứ vào thời hạn nắm giữ Chứng Chỉ Quỹ, mục tiêu đầu tư hoặc giá trị khoản đầu tư. Các mức giá dịch vụ tối đa phải được quy định tại Điều lệ quỹ và Ban cáo bạch. Các mức giá dịch vụ cụ thể quy định tại Ban Cáo Bạch, Ban Cáo Bạch tóm tắt hoặc được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối.
7. Việc tăng các mức giá dịch vụ chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá các mức tối đa quy định tại Điều Lệ Quỹ và Ban Cáo Bạch. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sau ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của công ty.
8. Giá dịch vụ chuyển nhượng (áp dụng trong các trường hợp: cho, biếu, tặng, hoặc thừa kế) đối với các Chứng Chỉ Quỹ sẽ do Công Ty Quản Lý Quỹ quy định tại Ban Cáo Bạch và công bố công khai vào từng thời điểm.

Điều 20. Thừa kế chứng chỉ quỹ

1. Việc thừa kế Chứng Chỉ Quỹ sẽ được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật về thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.
2. Người thừa kế hợp pháp sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát đăng ký trong sổ đăng ký Nhà Đầu Tư sau khi người được thừa kế cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về thừa kế đó.

Điều 21. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ

Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ đánh giá và đề xuất Đại Hội Nhà Đầu Tư xem xét thông qua tại từng giai đoạn hoạt động của Quỹ.

CHƯƠNG IV. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 22. Đại hội nhà đầu tư

1. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các Nhà Đầu Tư có tên trong sổ đăng ký Nhà Đầu Tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự.
2. Đại Hội Nhà Đầu Tư do Công Ty Quản Lý Quỹ triệu tập và quyết định những nội dung sau:
 - a) Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ Quỹ.
 - b) Thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư của Quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát; thay thế Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát.
 - c) Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất Quỹ; giải thể Quỹ; thay đổi thời hạn hoạt động của Quỹ.
 - d) Phương án phân phối lợi tức.
 - e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và thành viên Ban Đại Diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hằng năm của Quỹ, doanh nghiệp tham định giá độc lập (nếu có); thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hằng năm của Quỹ.
 - f) Xem xét và xử lý vi phạm của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát và Ban Đại Diện Quỹ gây tổn thất cho Quỹ.
 - g) Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại Hội Nhà Đầu Tư.
 - h) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và tại Điều lệ này.
3. Chương trình và nội dung họp Đại Hội Nhà Đầu Tư được Công Ty Quản Lý Quỹ xây dựng tương ứng với chương trình họp, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật về doanh nghiệp. Tối thiểu bảy (07) ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ phải gửi UBCKNN toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan, đồng thời công bố thông tin về việc triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.
4. Quỹ không tổ chức Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên. Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ được tổ chức dưới hình thức Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường khi phát sinh các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ. Việc thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại Hội Nhà Đầu Tư có thể được thực hiện bằng hình thức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản theo quy định tại Điều Lệ Quỹ và pháp luật có liên quan.

Điều 23. Đại hội nhà đầu tư bất thường

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm triệu tập họp bất thường Đại Hội Nhà Đầu Tư trong các trường hợp sau:
 - a) Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát hoặc Ban Đại Diện Quỹ khi xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ.



- b) Theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 Điều lệ này.
 - c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.
2. Việc tổ chức họp bất thường Đại Hội Nhà Đầu Tư được thực hiện trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại Hội Nhà Đầu Tư.
 3. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 2 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Quỹ (nếu có). Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Đại Diện Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát thay thế Công Ty Quản Lý Quỹ triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ này.

Điều 24. Hình thức tổ chức Đại hội nhà đầu tư

Đại Hội Nhà Đầu Tư có thể được tổ chức theo một trong các hình thức sau:

1. Họp trực tiếp.
2. Lấy ý kiến bằng văn bản.
3. Họp trực tuyến kết hợp với biểu quyết điện tử (e-voting) hoặc hình thức điện tử khác.

Điều 25. Điều kiện, thể thức tiến hành họp, thông qua quyết định Đại Hội Nhà Đầu Tư

1. Cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư được tiến hành khi có số Nhà Đầu Tư tham dự đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết. Hình thức tham gia và biểu quyết là trực tiếp hoặc ủy quyền tham gia và biểu quyết hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác) theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại Hội Nhà Đầu Tư được tiến hành không phụ thuộc vào số Nhà Đầu Tư tham dự.
3. Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
4. Nghị quyết Đại Hội Nhà Đầu Tư về các nội dung quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 22 Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư. Trong trường hợp này, quyết định tại cuộc họp được thông qua khi số Nhà Đầu Tư đại diện trên sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà Đầu Tư dự họp tán thành.
5. Quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua tại cuộc họp khi được số Nhà Đầu Tư đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà Đầu Tư dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.
6. Công Ty Quản Lý Quỹ được lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này. Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản phải được quy định rõ tại Điều Lệ Quỹ, phù hợp với quy định pháp luật về doanh nghiệp. Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ thời hạn gửi phiếu và tài liệu họp cho Nhà Đầu Tư như trường hợp mời họp Đại Hội Nhà Đầu Tư.
7. Trường hợp lấy ý kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của

Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua khi được số Nhà Đầu Tư đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà Đầu Tư có quyền biểu quyết tán thành.

8. Công Ty Quản Lý Quỹ, Ban Đại Diện Quỹ có trách nhiệm xem xét, bảo đảm các Nghị quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này. Trong trường hợp quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này thì phải tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản.

9. Thể thức, hình thức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư:

a) Thể thức, hình thức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư do Ban Đại Diện Quỹ quyết định phù hợp với các quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều Lệ Quỹ.

b) Đại Hội Nhà Đầu Tư sẽ do Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ chủ trì.

Trường hợp Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ vắng mặt, các thành viên còn lại của Ban Đại Diện Quỹ sẽ chỉ định một thành viên khác trong Ban Đại Diện Quỹ làm chủ tọa Đại hội.

Nếu các thành viên còn lại của Ban Đại Diện Quỹ không đưa ra được sự chỉ định, Đại Hội Nhà Đầu Tư sẽ bầu một người trong số các Nhà Đầu Tư hoặc người đại diện được ủy quyền của họ để làm chủ tọa Đại hội.

c) Tất cả các cuộc họp của Đại Hội Nhà Đầu Tư phải được lập thành biên bản và bản gốc lưu trữ ở trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ.

d) Trong trường hợp tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, Công Ty Quản Lý Quỹ được ủy quyền của Ban Đại Diện Quỹ phải thực hiện các công việc theo nguyên tắc, nội dung, trình tự và thủ tục lấy ý kiến Nhà Đầu Tư phù hợp với nguyên tắc tại quy định pháp luật về doanh nghiệp, cụ thể như sau:

i) Chuẩn bị Phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại Hội Nhà Đầu Tư, các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết và gửi đến tất cả các Nhà Đầu Tư có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách Nhà Đầu Tư gửi phiếu lấy ý kiến sẽ do Ban Đại Diện Quỹ quyết định. Phiếu lấy ý kiến và các tài liệu được gửi bằng phương thức đảm bảo đến địa chỉ liên lạc của Nhà Đầu Tư và đăng trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

ii) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ, Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của Quỹ và Giấy phép thành lập và hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ;
- Mục đích lấy ý kiến;
- Thông tin của Nhà Đầu Tư, số lượng Chứng Chỉ Quỹ sở hữu và số quyền biểu quyết của Nhà Đầu Tư;
- Vấn đề cần lấy ý kiến thông qua;
- Phương án biểu quyết bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Thời hạn phải gửi về Công Ty Quản Lý Quỹ phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- Họ, tên, chữ ký của Người đại diện hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ.

iii) Công Ty Quản Lý Quỹ gửi Phiếu lấy ý kiến cùng các tài liệu liên quan tới

UBCKNN tối thiểu trước bảy (07) ngày làm việc trước hạn cuối ngày trả lời Phiếu lấy ý kiến Nhà Đầu Tư.

- iv) Nhà Đầu Tư có thể gửi phiếu hỏi ý kiến đã trả lời đến Công Ty Quản Lý Quỹ bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- Trường hợp gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Nhà Đầu Tư là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện hợp pháp của Nhà Đầu Tư là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty Quản Lý Quỹ phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.
 - Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty Quản Lý Quỹ phải được giữ bí mật tới thời điểm kiểm phiếu.
 - Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty Quản Lý Quỹ sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về Công Ty Quản Lý Quỹ được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
- v) Công Ty Quản Lý Quỹ tổ chức kiểm phiếu và lập Ban kiểm phiếu có sự giám sát của đại diện Ban Đại Diện Quỹ để thực hiện kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung sau đây:
- Tên, địa chỉ của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ; Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của Quỹ và Giấy phép thành lập và hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ;
 - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua Nghị quyết;
 - Số Nhà Đầu Tư với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách Nhà Đầu Tư tham gia biểu quyết;
 - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - Họ tên, chữ ký của đại diện Ban Đại Diện Quỹ, người kiểm phiếu và người đại diện hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ.
- vi) Biên bản, nghị quyết được công bố trên trang tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ và UBCKNN trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày kết thúc việc lấy ý kiến.
- vii) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư.
- c) Trong trường hợp thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 26. Phân đôi quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư

1. Nhà Đầu Tư phân đôi quyết định đã được thông qua bởi Đại Hội Nhà Đầu Tư về một số

các nội dung quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 22 Điều lệ này có quyền yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ mua lại Chứng Chi Quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang quỹ khác cùng loại hình của Công Ty Quản Lý Quỹ. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ liên lạc của Nhà Đầu Tư, số lượng đơn vị quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển đổi sang quỹ khác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý. Yêu cầu phải được Nhà Đầu Tư gửi tới trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.

2. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ phải hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi chứng chỉ quỹ cho Nhà Đầu Tư phản đối quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trong trường hợp này, mức giá mua lại được xác định trên cơ sở giá trị tài sản ròng trên một Chứng Chi Quỹ tại kỳ giao dịch Chứng Chi Quỹ gần nhất kể từ khi Công Ty Quản Lý Quỹ nhận được yêu cầu của Nhà Đầu Tư và Nhà Đầu Tư không phải thanh toán Giá Dịch Vụ Mua Lại, giá dịch vụ chuyển đổi,

CHƯƠNG V. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 27. Ban đại diện Quỹ

1. Ban Đại Diện Quỹ có từ ba (03) tới mười một (11) thành viên, được bầu tại cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc được Nhà Đầu Tư cho ý kiến bằng văn bản. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban Đại Diện Quỹ phải tuân thủ quy định sau:
 - a) Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban Đại Diện Quỹ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ chậm nhất mười (10) ngày trước ngày triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư để bầu thành viên Ban Đại Diện Quỹ. Thông tin tối thiểu phải bao gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh; trình độ chuyên môn; trình độ quản lý; kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản, hoặc phân tích đầu tư hoặc các kinh nghiệm trong hoạt động chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm; quá trình công tác và kết quả đạt được; các công ty, quỹ mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Đại Diện Quỹ; các lợi ích có liên quan tới Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát (nếu có); các thông tin khác nếu có liên quan.
 - b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Đại Diện Quỹ thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Đại Diện Quỹ đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều Lệ Quỹ. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban Đại Diện Quỹ đương nhiệm đề cử ứng viên Ban Đại Diện Quỹ được công bố rõ ràng và được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua trước khi tiến hành đề cử.
 - c) Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử thành viên Ban Đại Diện Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị.
2. Tối thiểu hai phần ba (2/3) số thành viên của Ban Đại Diện Quỹ là các thành viên độc lập không phải là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát, hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này.
3. Trong Ban Đại Diện Quỹ bao gồm:
 - a) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

- b) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản.
- c) Tối thiểu 01 thành viên có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm về pháp luật.

Điều 28. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại Diện Quỹ

1. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Đại Diện Quỹ không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại Diện Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị.
3. Những người sau đây không được là thành viên Ban Đại Diện Quỹ:
 - a) Các trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị.
 - b) Là thành viên của trên năm (05) Ban đại diện quỹ đại chúng, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.
 - c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.
4. Trong trường hợp người đại diện theo ủy quyền của Nhà Đầu Tư là tổ chức là thành viên Ban Đại Diện Quỹ, việc thay đổi người đại diện theo ủy quyền đó của Nhà Đầu Tư là tổ chức là sự kiện để chấm dứt tư cách thành viên Ban Đại Diện Quỹ đối với người bị thay đổi. Người được cử làm người đại diện theo ủy quyền mới của Nhà Đầu Tư là tổ chức nêu trên không đương nhiên trở thành thành viên Ban Đại Diện Quỹ mà chỉ trở thành thành viên Ban Đại Diện Quỹ nếu được Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu theo quy định tại Điều lệ này.
5. Trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày bỏ nhiệm, miễn nhiệm, thay đổi thành viên Ban Đại Diện Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ thông báo cho UBCKNN, gửi danh sách Ban Đại Diện Quỹ theo quy định và hồ sơ cá nhân các thành viên mới của Ban Đại Diện Quỹ.
6. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày cơ cấu Ban Đại Diện Quỹ, thành viên Ban Đại Diện Quỹ không còn đáp ứng điều kiện theo quy định, Ban Đại Diện Quỹ có trách nhiệm chọn lựa thành viên thay thế tạm thời để thực hiện quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ cho đến khi Đại Hội Nhà Đầu Tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.

Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ

1. Đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu Tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Nhà Đầu Tư.
2. Phê duyệt số tay định giá Giá Trị Tài Sản Rộng Của Quỹ, danh sách các tổ chức cung cấp báo giá không phải là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát, phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng mà Quỹ được gửi tiền và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ mà Quỹ được phép đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 10 của Điều lệ này.
3. Chấp thuận bằng văn bản trước khi Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện các giao dịch của Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a) Giao dịch vào các tài sản được phép đầu tư theo phương thức thỏa thuận (trừ trường hợp giao dịch hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi và giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán nhưng không bao gồm giao dịch trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ). Việc chấp thuận của Ban Đại Diện Quỹ bao gồm các nội dung chủ yếu: khoáng giá dự kiến, thời điểm thực hiện, đối tác

giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch.

- b) Giao dịch hợp đồng tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi của Quỹ. Việc chấp thuận của Ban Đại Diện Quỹ bao gồm các nội dung chủ yếu sau: khoảng giá dự kiến, khoảng thời gian thực hiện, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch. Việc chấp thuận này có hiệu lực trong thời hạn tối đa ba (03) tháng kể từ ngày Ban Đại Diện Quỹ ban hành văn bản chấp thuận.
 - c) Trường hợp mức giá thực tế mua cao hơn hoặc giá bán thực tế thấp hơn giá tham chiếu của tổ chức cung cấp bảo giá hoặc giá tham chiếu trung bình của các tổ chức cung cấp bảo giá hoặc vượt quá khoảng giá đã được chấp thuận theo quy định tại điểm a, b khoản này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải giải thích để Ban Đại Diện Quỹ quyết định.
4. Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân chia lợi nhuận quy định tại Điều Lệ Quỹ hoặc đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận.
 5. Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát trên cơ sở quy định của pháp luật.
 6. Nếu Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất đã ủy quyền, Ban Đại Diện Quỹ được quyết định các vấn đề đã được ủy quyền theo quy định tại Điều 22. Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin Quyết định của Ban Đại Diện Quỹ theo quy định về công bố thông tin đối với Quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư.
 7. Trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ quyết định mức điều chỉnh Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ trong mức tối đa được quy định tại Điều lệ này, hiệu lực của việc điều chỉnh Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ sau khi Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ công bố trên website của Công Ty Quản Lý Quỹ.
 8. Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý quỹ và hoạt động giám sát.
 9. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.

Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Đại Diện Quỹ

1. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Đại Diện Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị của công ty niêm yết và tại Điều Lệ Quỹ.
2. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tốt nhất của quỹ; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với Quỹ.
3. Tham dự đầy đủ các cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

Điều 31. Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ

1. Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ trong số thành viên Ban Đại Diện Quỹ, chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ phải là thành viên độc lập.
2. Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ.
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ.
 - c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban Đại Diện Quỹ.

- d) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều Lệ Quỹ.
3. Trong trường hợp Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện các nhiệm vụ được giao, một thành viên Ban Đại Diện Quỹ do Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm của Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ.
 4. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban Đại Diện Quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức vụ chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ sẽ được thực hiện tại Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất.

Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban Đại Diện Quỹ

Thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị.

Điều 33. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ

1. Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ được quyền triệu tập các cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ. Ban Đại Diện Quỹ sẽ họp ít nhất mỗi quý một lần hoặc theo yêu cầu của Công Ty Quản Lý Quỹ. Các cuộc họp bất thường có thể được triệu tập trong trường hợp cần thiết.
2. Trình tự tổ chức cuộc họp, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên trước ba (03) ngày làm việc.
3. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ được tổ chức khi có tối thiểu hai phần ba (2/3) số thành viên dự họp, trong đó số thành viên độc lập phải chiếm đa số (trên năm mươi phần trăm (50%) số thành viên dự họp trở lên). Thành viên không trực tiếp dự họp có thể tham dự họp trực tuyến hoặc bất kỳ hình thức liên lạc đáng tin cậy khác.
4. Quyết định của Ban Đại Diện Quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin, nghe, nhìn hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản hoặc theo hình thức khác mà Ban Đại Diện Quỹ cho là phù hợp. Việc lấy ý kiến bằng văn bản có thể được thực hiện trên giấy, bỏ phiếu điện tử hoặc bằng bất kỳ hình thức hợp pháp khác. Mỗi thành viên Ban Đại Diện Quỹ có một phiếu biểu quyết. Thành viên không thể tham gia cuộc họp có thể chuyển phiếu biểu quyết theo bất cứ hình thức nào đã được nhất trí từ trước cho Chủ tịch trước hoặc vào thời điểm đang diễn ra cuộc họp.
5. Quyết định của Ban Đại Diện Quỹ sẽ được thông qua nếu được trên năm mươi phần trăm (50%) số thành viên tham dự và trên năm mươi phần trăm (50%) số thành viên độc lập thông qua.
6. Biên bản họp Ban Đại Diện Quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và chủ tọa phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trưởng họp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Ban Đại Diện Quỹ tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Ban Đại Diện Quỹ phải được lưu giữ tại Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Điều Lệ Quỹ.

CHƯƠNG VI.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 34. Tiêu chuẩn lựa chọn Công Ty Quản Lý Quỹ

Công Ty Quản Lý Quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- Được UBCKNN cấp giấy phép hoạt động quản lý Quỹ.

- Hoàn toàn độc lập với Ngân Hàng Giám Sát.
- Có đầy đủ khả năng thực hiện công tác quản lý quỹ.
- Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ

1. Nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ:

- a) Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty Quản Lý Quỹ. Thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ này. Tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ và Nhà Đầu Tư.
- b) Công Ty Quản Lý Quỹ là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng.
- c) Khi quản lý tài sản của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải:
 - i) Ký hợp đồng giám sát với Ngân Hàng Giám Sát; lưu ký toàn bộ tài sản phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam và lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu, bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tài sản tại Ngân Hàng Giám Sát;
 - ii) Trường hợp đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi cho Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được gửi lại các tổ chức tín dụng trong danh sách được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt; cung cấp đầy đủ thông tin về các hợp đồng tiền gửi, các khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi với tổ chức tín dụng nhận tiền gửi; lưu trữ bản gốc hợp đồng tiền gửi và cung cấp các hợp đồng đó theo yêu cầu của Ngân Hàng Giám Sát;
 - iii) Trường hợp đầu tư phần góp vốn tại công ty trách nhiệm hữu hạn; cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch, trái phiếu chưa niêm yết cho Quỹ; Công Ty Quản Lý Quỹ phải lưu ký bản gốc hoặc bản sao hợp lệ các hợp đồng giao dịch, chứng từ giao dịch, hoặc bản gốc sổ đăng ký cổ đông hoặc sổ đăng ký thành viên hoặc tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản tại Ngân Hàng Giám Sát để các tổ chức này định kỳ đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư;
 - iv) Tách biệt tài sản của Quỹ và tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ, tài sản của khách hàng ủy thác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu tài sản của Quỹ; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của Quỹ và nơi lưu ký, lưu trữ tài sản đó;
 - v) Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên bảo đảm có sự thống nhất về dữ liệu tài sản của Quỹ trên hệ thống tài khoản của Quỹ quản lý tại Công Ty Quản Lý Quỹ, hệ thống lưu ký tài sản của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát với các tổ chức phát hành, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC), tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông, chủ dự án, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, ngân hàng nhận tiền gửi. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thiết lập cơ chế để Ngân Hàng Giám Sát chủ động, trực tiếp đối soát với các tổ chức nêu trên nhằm kiểm tra, giám sát, tổng hợp đầy đủ và chính xác thông tin về việc lưu ký, đăng ký sở hữu và quản lý tài sản của Quỹ;
 - vi) Thực hiện việc đầu tư tài sản Quỹ theo các quy định của pháp luật, quy định tại Điều Lệ Quỹ;
 - vii) Phân công tối thiểu hai (02) người điều hành Quỹ để quản lý Quỹ. Những người

điều hành Quỹ nêu trên phải có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, kinh nghiệm thực tế trong hoạt động quản lý tài sản ít nhất hai (02) năm và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Thông tin về trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành Quỹ phải được công khai tại Bản Cáo Bạch.

- d) Công Ty Quản Lý Quỹ phải ban hành quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản giao dịch một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho Quỹ, cho khách hàng ủy thác khác và cho bản thân Công Ty Quản Lý Quỹ. Quy trình này phải được cung cấp cho khách hàng ủy thác, Ngân Hàng Giám Sát và được áp dụng thống nhất.
- e) Trong hoạt động quản trị Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm bảo đảm:
 - i) Thực hiện việc xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một đơn vị Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều Lệ Quỹ;
 - ii) Lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời, đầy đủ và chính xác Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư.
- f) Công Ty Quản Lý Quỹ được ủy quyền hoạt động quản trị Quỹ. Việc ủy quyền hoạt động này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức hoạt động Công Ty Quản Lý Quỹ và các quy định tại Điều Lệ Quỹ.
- g) Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin cần thiết về Quỹ, thông tin về giao dịch tài sản của Quỹ, thông tin về nơi lưu ký tài sản của Quỹ, các thông tin liên quan khác (nếu có) và tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết cho Ngân Hàng Giám Sát theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân Hàng Giám Sát để Ngân Hàng Giám Sát thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm đối với Quỹ theo quy định của pháp luật. Tối thiểu một (01) tháng một lần, Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ đối chiếu danh mục tài sản của Quỹ với Ngân Hàng Giám Sát.
- h) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ngân Hàng Giám Sát phát hiện và thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ về các giao dịch tài sản của Quỹ trái với quy định hoặc vượt quá thẩm quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều Lệ Quỹ thì Công Ty Quản Lý Quỹ phải hủy bỏ giao dịch, hoặc thực hiện các giao dịch nhằm khôi phục vị thế cho Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này hoặc các tổn thất (nếu có). Trường hợp các giao dịch này phát sinh lợi nhuận, mọi khoản lợi nhuận phải được hạch toán cho Quỹ.
- i) Công Ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng và triển khai áp dụng thống nhất các quy trình nghiệp vụ, sổ tay định giá, chính sách kế toán phù hợp các quy định của pháp luật liên quan và Điều Lệ Quỹ.
- j) Công Ty Quản Lý Quỹ phải thiết lập hệ thống quản trị rủi ro và ban hành chiến lược, chính sách và quy trình quản trị rủi ro phù hợp với mô hình tổ chức, quy mô hoạt động của Công ty, các loại hình quỹ. Hệ thống quản trị rủi ro, chiến lược, chính sách, quy trình quản trị rủi ro xây dựng dựa theo các thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam và theo hướng dẫn của UBCKNN.
- k) Công Ty Quản Lý Quỹ chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho Quỹ do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc lỗi của hệ thống kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc do Công Ty Quản Lý Quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều Lệ Quỹ. Việc bồi thường cho Quỹ, Nhà Đầu Tư vào Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về thành lập và quản lý quỹ mở và thỏa thuận giữa các bên liên quan.

- l) Công Ty Quản Lý Quỹ phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nhân viên làm việc tại bộ phận kinh doanh chứng khoán (nếu xét là cần thiết), hoặc trích lập Quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ theo quy định của pháp luật để bồi thường thiệt hại cho Quỹ trong các trường hợp quy định tại điểm k khoản 1 Điều này.
- m) Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các Đại Lý Phân Phối, tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan xây dựng, thiết lập hệ thống và tổ chức thực hiện quy trình tổng hợp thông tin, nhận diện khách hàng theo các quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền và các quy định của pháp luật về môi giới, giao dịch chứng khoán. Khi thực hiện nhận biết khách hàng, Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối được quyết định gặp mặt trực tiếp hoặc không gặp mặt trực tiếp theo quy định và điều kiện của pháp luật.
- n) Tùy thuộc vào quy định của pháp luật, nếu trong trường hợp Quỹ là nhà đầu tư nước ngoài, Công Ty Quản Lý Quỹ bảo đảm việc đầu tư tài sản của Quỹ tuân thủ đúng các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối, tỷ lệ sở hữu tại các doanh nghiệp Việt Nam tại thời điểm đầu tư.
- o) Việc sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào gián tiếp ra nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, về quản lý ngoại hối và các quy định của pháp luật có liên quan khác. Hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài chỉ được thực hiện nếu Điều Lệ Quỹ có điều khoản cho phép thực hiện.
- p) Khi thực hiện các giao dịch tài sản cho Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ bảo đảm:
 - i) Giá trị giao dịch chứng khoán trong năm thông qua môi giới của một công ty chứng khoán không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị giao dịch chứng khoán trong năm của Quỹ; và
 - ii) Giá trị giao dịch chứng khoán trong năm thông qua môi giới của công ty chứng khoán là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, không được vượt quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị giao dịch chứng khoán trong năm của Quỹ.

Quy định tại điểm này không áp dụng đối với Quỹ có thời gian hoạt động chưa đủ sáu (06) tháng tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ, Giấy phép thành lập và hoạt động đến hết năm mà Quỹ được thành lập; Quỹ mở trái phiếu có tổng giá trị giao dịch trong năm thấp hơn ba trăm (300) tỷ đồng.

- q) Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm báo mật thông tin của Quỹ, thông tin về giao dịch tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ và các thông tin khác liên quan, trừ trường hợp cung cấp thông tin cho UBCKNN và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.
 - r) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ.
2. Quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ:
- a) Được hưởng các khoản Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ và các khoản thanh toán hợp lệ khác theo quy định của Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch và quy định pháp luật hiện hành.
 - b) Có quyền lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát theo các tiêu chuẩn quy định của Điều 38 Điều Lệ Quỹ này.
 - c) Được ủy quyền cho Ngân Hàng Giám Sát và một số tổ chức được cung cấp các dịch vụ liên quan tới hoạt động quản lý Quỹ thực hiện một số hoặc toàn bộ hoạt động quản trị Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu trách nhiệm liên quan tới việc ủy quyền và bảo đảm quan hệ ủy quyền cho các tổ chức này không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Nhà Đầu Tư vào Quỹ.

- d) Có quyền từ chối phát hành Chứng Chi Quỹ cho những tổ chức hoặc cá nhân không được phép đầu tư vào Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ hoặc cho Nhà Đầu Tư cá nhân không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.
- e) Có quyền từ chối phát hành Chứng Chi Quỹ cho những tổ chức hoặc cá nhân không thỏa mãn các điều kiện về nhận biết Nhà Đầu Tư do Công Ty Quản Lý Quỹ đặt ra và theo quy định của pháp luật.
- f) Được thay mặt, đại diện cho Quỹ thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với tài sản thuộc sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật.
- g) Được toàn quyền quyết định lựa chọn hoặc hủy lựa chọn đối với Đại Lý Phân Phối, Đại lý ký danh cho Quỹ cũng như ký kết hợp đồng phân phối Chứng Chi Quỹ và Đại Lý Phân Phối Chứng Chi Quỹ và quyết định các mức chi phí trả cho Đại Lý Phân Phối, Đại lý ký danh cho dịch vụ phân phối Chứng Chi Quỹ.
- h) Được thực hiện các hoạt động kinh doanh, dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật.
- i) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại Hội Nhà Đầu Tư và của Ban Đại Diện Quỹ.
- j) Được quyết định các khoản đầu tư của Quỹ trong phạm vi cho phép phù hợp với quy định của Điều Lệ Quỹ và các quy định của pháp luật.
- k) Phê duyệt nội dung sửa đổi, bổ sung trong Bản Cáo Bạch, ngoại trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của Đại Hội Nhà Đầu Tư và/hoặc Ban Đại Diện Quỹ.
- l) Yêu cầu giải thể Quỹ như quy định tại Điều 66 của Điều Lệ Quỹ.

Điều 36. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a) Theo đề nghị của Ban Đại Diện Quỹ sau khi đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư chấp thuận.
 - b) Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động.
 - c) Tự nguyện chấm dứt hoạt động; hoặc
 - d) Hợp nhất, sáp nhập với một công ty quản lý quỹ khác.
2. Trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ tối thiểu sáu (06) tháng, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức Đại Hội Nhà Đầu Tư lấy ý kiến về việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ.
3. Quy định về chi phí bồi thường khi thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ

Trong trường hợp Quỹ có sự thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 36 của Điều Lệ Quỹ và sự thay đổi này không phát sinh từ việc Công Ty Quản Lý Quỹ vi phạm các quy định pháp luật, Quỹ sẽ phải bồi thường cho Công Ty Quản Lý Quỹ một khoản phí (ngoài các khoản phí đã được quy định tại Điều Lệ Quỹ) theo biểu phí như sau:

Thời điểm thay thế Công Ty Quản Lý Quỹ	Mức phí bồi thường tính trên bình quân Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ trong sáu (06) tháng liền kề trước thời điểm thay thế Công Ty Quản Lý Quỹ
Trong vòng ba (03) năm kể từ ngày thành lập Quỹ	3,0%

Sau ba (03) năm kể từ ngày thành lập Quỹ	1,5%
--	------

Chi phí này nhằm để bù đắp những chi phí thành lập Quỹ và các chi phí phát sinh cho Công Ty Quản Lý Quỹ do hậu quả của việc thay đổi nguồn nhân sự, hệ thống quản lý, cơ sở hạ tầng khi Quỹ được chuyển cho công ty quản lý quỹ khác quản lý.

Điều 37. Hạn chế hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Ngân Hàng Giám Sát của Quỹ mà Công Ty Quản Lý Quỹ đang quản lý. Thành viên hội đồng quản trị, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát, Chủ tịch công ty, Ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.
2. Công Ty Quản Lý Quỹ, Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ được giao dịch Chứng Chi Quỹ thông qua Đại Lý Phân Phối như một Nhà Đầu Tư thông thường.
3. Thành viên hội đồng quản trị, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát, Ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoài các loại phí và mức phí đã được quy định rõ tại Điều Lệ Quỹ.
4. Trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ bảo đảm:
 - a) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào Quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý.
 - b) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào các khách hàng ủy thác do mình quản lý.
 - c) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Công Ty Quản Lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành, nhân viên của Công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ.
 - d) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công Ty Quản Lý Quỹ, Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức, cá nhân khác. Quy định này không áp dụng trong trường hợp cho vay dưới hình thức đầu tư tiền gửi tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng hoặc mua trái phiếu được phát hành, giao dịch trái phiếu theo quy định pháp luật.
5. Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ các hạn chế đầu tư trong hoạt động quản lý quỹ như quy định tại Điều 11 của Điều Lệ Quỹ.
6. Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ.

**CHƯƠNG VII.
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

Điều 38. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát

1. Ngân Hàng Giám Sát do Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán.

u

2. Ngân Hàng Giám Sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với Công Ty Quản Lý Quỹ mà ngân hàng cung cấp dịch vụ giám sát.
3. Nếu phát sinh các trường hợp khiến cho Ngân Hàng Giám Sát không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 117 Luật Chứng khoán và khoản 1, khoản 2 Điều này, trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm phát sinh, Ngân Hàng Giám Sát phải thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ và UBCKNN.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát

1. Nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát:
 - a) Luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các Nhà Đầu Tư và tuân thủ quy định pháp luật, Điều Lệ Quỹ trong toàn bộ hoạt động giám sát, lưu ký tài sản Quỹ.
 - b) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp Đồng Giám Sát và Điều Lệ Quỹ.
 - c) Quản lý và lưu ký tách biệt tài sản của Quỹ với tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ, khách hàng hàng và tài sản của chính Ngân Hàng Giám Sát.
 - d) Giám sát hoặc tính toán Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ phù hợp với các quy định pháp luật và Điều Lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ là chính xác.
 - e) Định kỳ đối soát với các tổ chức phát hành, tổ chức nhận vốn góp, tổ chức tài chính mà Quỹ thực hiện đầu tư, góp vốn, gửi tiền vào đó; ngoại trừ các tài sản là chứng khoán được lưu ký tập trung tại VSDC, tài sản hữu hình có thể được lưu giữ bảo quản tại kho của Ngân Hàng Giám Sát, tài sản được đăng ký dưới tên của Ngân Hàng Giám Sát hoặc người do Ngân Hàng Giám Sát chỉ định, tài sản không thể đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật hay tập quán thị trường.
 - f) Không sử dụng tài sản của Quỹ để thanh toán, bảo lãnh thanh toán cho các khoản nợ của Ngân Hàng Giám Sát hoặc cho bên thứ ba. Bảo đảm Ngân Hàng Giám Sát, thành viên hội đồng quản trị, người điều hành và cán bộ trực tiếp thực hiện nghiệp vụ giám sát của Ngân Hàng Giám Sát không là người có liên quan hoặc tham gia điều hành, quản trị tại Công Ty Quản Lý Quỹ, hay là đối tác mua, bán tài sản của Quỹ, hoặc có quan hệ sơ hữu, tham gia góp vốn, nắm giữ cổ phần, vay hoặc cho vay với Công Ty Quản Lý Quỹ và ngược lại, trừ các giao dịch ngoại hối, giao dịch chứng khoán thực hiện thông qua Sở giao dịch chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật.
 - g) Ngân Hàng Giám Sát tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động của Ngân Hàng Giám Sát, Điều Lệ Quỹ và Hợp Đồng Giám Sát, bao gồm cả việc bảo mật và không công bố thông tin liên quan đến hoạt động đầu tư và các hoạt động khác của Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ.
 - h) Bồi thường tổn thất cho Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ và các Bên liên quan theo quy định của pháp luật trong trường hợp tổn thất phát sinh do lỗi, bất cẩn, sự lừa dối hoặc cố ý vi phạm của Ngân Hàng Giám Sát, người được ủy quyền, chỉ định của Ngân Hàng Giám Sát hoặc do Ngân Hàng Giám Sát người được ủy quyền, chỉ định của Ngân Hàng Giám Sát không thực hiện đúng các điều khoản, nghĩa vụ theo Điều lệ này và/hoặc quy định pháp luật có liên quan.
 - i) Áp dụng và thanh toán lãi suất không kỳ hạn theo quy định của Ngân Hàng Giám Sát áp dụng trong từng thời kỳ hoặc theo thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các khoản tiền trên tài khoản tiền gửi thanh toán cho Quỹ (bao gồm cả khoản tiền bị phong tỏa để thực hiện các thủ tục theo quy định).

- j) Hoàn trả tiền mua Chứng Chi Quỹ cho các Nhà Đầu Tư nếu lệnh mua Chứng Chi Quỹ không hợp lệ theo quy định pháp luật và Điều Lệ Quỹ.
- k) Đảm bảo duy trì số lượng nhân viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn để cung ứng dịch vụ, duy trì các điều kiện về cơ sở vật chất, hệ thống kỹ thuật đầy đủ theo quy định pháp luật.
- l) Ghi nhận đầy đủ, kịp thời mọi giao dịch phát sinh, cũng như mọi thu nhập - chi phí liên quan đến tài sản Quỹ theo yêu cầu, chỉ thị của Công Ty Quản Lý Quỹ và duy trì hệ thống sổ sách phản ánh các tài sản thuộc sở hữu của Quỹ theo quy định pháp luật.
- m) Thực hiện các hoạt động thu - chi liên quan đến các giao dịch tài sản Quỹ theo yêu cầu, chỉ thị bằng văn bản của Công Ty Quản Lý Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ, trong đó, việc thanh toán các giao dịch chứng khoán niêm yết, chứng khoán đăng ký giao dịch phải tuân thủ nguyên tắc giao dịch chứng khoán đồng thời với thanh toán tiền và các nguyên tắc bù trừ, thanh toán của cơ quan có thẩm quyền, đảm bảo mọi giao dịch chuyển khoản, thanh toán tiền, chuyển giao tài sản đều phải thực hiện đúng đến các đối tác giao dịch của Quỹ, các tài khoản của Quỹ, giá trị thanh toán phải phù hợp với khối lượng tài sản, giá giao dịch và đúng số tiền ghi trong các chứng từ thanh toán.
- n) Theo dõi và thay mặt Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện tất cả các quyền phát sinh liên quan đến tài sản Quỹ là các chứng khoán lưu ký tập trung tại VSDC. Đối với quyền mua cổ phiếu và quyền chuyển đổi trái phiếu sang cổ phiếu, Ngân Hàng Giám Sát sẽ thực hiện sau khi nhận được chấp thuận bằng văn bản của Công Ty Quản Lý Quỹ.
- o) Ngân Hàng Giám Sát chỉ có nghĩa vụ theo dõi việc thực hiện quyền phát sinh liên quan đến tài sản Quỹ không phải là chứng khoán lưu ký tập trung tại VSDC theo yêu cầu của Công Ty Quản Lý Quỹ và chỉ khi được Công Ty Quản Lý Quỹ cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin liên quan đến việc thực hiện các quyền trên.
- p) Định kỳ hàng tháng, thực hiện đối chiếu tài sản Nợ/Có của Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ, phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện kiểm tra, điều chỉnh, khắc phục nếu không có sự thống nhất về số liệu giữa Ngân Hàng Giám Sát và Công Ty Quản Lý Quỹ, bao gồm cả việc đối chiếu, đảm bảo khớp đúng các số liệu giao dịch tài sản Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện hoặc ủy quyền thực hiện thanh toán qua Ngân Hàng Giám Sát.
- q) Thực hiện phân chia tài sản Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ trong trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ bị phá sản, giải thể và Quỹ phải giải thể.
- r) Cam kết bán giao đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với tài sản Quỹ cho ngân hàng giám sát thay thế, đồng thời, lập và gửi cơ quan có thẩm quyền biên bản bàn giao với ngân hàng giám sát mới có xác nhận của Công Ty Quản Lý Quỹ trong trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ yêu cầu thay đổi ngân hàng giám sát.
- s) Cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho công ty chứng khoán là thành viên giao dịch của Công Ty Quản Lý Quỹ. Đồng thời, phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ để giải quyết vấn đề phát sinh trong trường hợp phát sinh rủi ro (nếu có) trong việc cung cấp thông tin về tiền và tài sản của Quỹ cho công ty chứng khoán là thành viên giao dịch của Quỹ, nhưng Ngân Hàng Giám Sát không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào trong trường hợp đã thực hiện cung cấp thông tin phù hợp với nội dung hợp đồng/thỏa thuận ký giữa Ngân Hàng Giám Sát và công ty chứng khoán đã gửi cho Công Ty Quản Lý Quỹ một bản gốc/bản sao được công chứng hợp pháp để biết và theo dõi thực hiện. Danh sách công ty chứng khoán sẽ do Công Ty Quản Lý Quỹ cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát bằng văn bản theo quy định.

- t) Cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công Ty Quản Lý Quỹ và tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo yêu cầu bằng văn bản của Công Ty Quản Lý Quỹ để các tổ chức này thực hiện các quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều Lệ Quỹ.
 - u) Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Quyền của Ngân Hàng Giám Sát:
- a) Ngân Hàng Giám Sát không có trách nhiệm đối với bất kỳ khoản thuế, Giá dịch vụ nào được thanh toán liên quan đến các tài sản Quỹ. Để tránh hiểu nhầm, Ngân Hàng Giám Sát chỉ chịu trách nhiệm với thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng (nếu có) của chính Ngân Hàng Giám Sát liên quan đến việc cung cấp các dịch vụ của Ngân Hàng Giám Sát.
 - b) Thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan, Điều Lệ Quỹ.
 - c) Định kỳ, phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ, rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ; kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện công tác xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ; bảo đảm Giá Trị Tài Sản Ròng trên một đơn vị Quỹ được tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật có liên quan và Điều Lệ Quỹ.
 - d) Từ chối thực hiện các yêu cầu, chỉ thị của Công Ty Quản Lý Quỹ mà Ngân Hàng Giám Sát có cơ sở xác đáng chứng minh các yêu cầu, chỉ thị này vi phạm quy định của pháp luật, Điều Lệ Quỹ và/hoặc ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà Đầu Tư. Trong trường hợp này, Ngân Hàng Giám Sát sẽ thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ bằng văn bản lý do từ chối.
 - e) Bảo lưu ý kiến và thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ bằng văn bản hoặc ghi chú trên các báo cáo tài sản định kỳ đối với các giao dịch liên quan đến tài sản Quỹ mà Ngân Hàng Giám Sát chưa đủ cơ sở để xác định tính chính xác hoặc có vi phạm pháp luật, Điều Lệ Quỹ.
 - f) Ngân Hàng Giám Sát sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ loại tổn thất nào mà Quỹ có thể gánh chịu do Ngân Hàng Giám Sát cung cấp dịch vụ theo Điều lệ này, phù hợp với các chỉ thị của Quỹ/Công Ty Quản Lý Quỹ trừ khi do Ngân Hàng Giám Sát vi phạm Điều lệ này và/hoặc quy định pháp luật. Đồng thời, Ngân Hàng Giám Sát cũng sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất cẩn, sự lười dể hay cố ý vi phạm của Quỹ/Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc bất kỳ người nào khác do Quỹ/Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ định hoặc nhân viên, quản lý của Công Ty Quản Lý Quỹ hay đại diện tương ứng của họ.

Điều 40. Hoạt động giám sát của Ngân Hàng Giám Sát

- 1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ có liên quan tới Quỹ mà ngân hàng thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, Ngân Hàng Giám Sát phải:
 - a) Phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ; giám sát việc xác định giá tài sản ròng; kiểm tra, bảo đảm giá trị tài sản ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô Chứng Chỉ Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều Lệ Quỹ.
 - b) Giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, kiểm tra lại bảo đảm loại tài sản đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư là phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay theo quy định của pháp luật và tại Điều Lệ Quỹ; giám sát các giao dịch tài

sản giữa Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ và người có liên quan, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và tại Điều Lệ Quỹ và quy định pháp luật có liên quan.

Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật, Ngân Hàng Giám Sát phải báo cáo cho UBCKNN và thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời các hậu quả phát sinh trong thời hạn theo quy định.

- c) Giám sát việc tổ chức thực hiện, kiểm tra kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản Quỹ.
 - d) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chi thanh toán từ tài sản của Quỹ, các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và các quy định tại Điều Lệ Quỹ.
 - e) Giám sát các hoạt động khác của Công Ty Quản Lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của quỹ theo đúng quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan tại các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán và tại Điều Lệ Quỹ.
- D) Xác nhận các báo cáo về giá trị tài sản ròng, hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ lập.
2. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân Hàng Giám Sát đối với Công Ty Quản Lý Quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của UBCKNN.
 3. Khi có yêu cầu bằng văn bản của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với quỹ theo quy định của pháp luật, Điều Lệ Quỹ.
 4. Ngân Hàng Giám sát có quyền yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ kịp thời cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết, có liên quan; thông tin về tổ chức phát hành mà quỹ, công ty đầu tư chứng khoán đầu tư để Ngân Hàng Giám Sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi tài liệu, thông tin nhận được từ Công Ty Quản Lý Quỹ.
 5. Ngân Hàng Giám Sát có cơ chế phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ trong việc rà soát hoạt động của Đại lý chuyên nhượng thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên, trong đó bảo đảm trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ tuân thủ theo quy định của pháp luật.
 6. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ, Nhà Đầu Tư, Ngân Hàng Giám Sát phải phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho Quỹ, Nhà Đầu Tư theo chi thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ. Ngân Hàng Giám Sát liên đới cùng với Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân Hàng Giám Sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo các quy định của pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo các điều khoản của hợp đồng ký kết hoặc thỏa thuận giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.

Điều 41. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát

1. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát sẽ chấm dứt trong các trường sau:

- a) Ngân Hàng Giám Sát bị chia, tách, giải thể, phá sản, bị hợp nhất, bị sáp nhập, chuyển đổi tư cách pháp nhân hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định của Luật Chứng khoán.
 - b) Chấm dứt Hợp Đồng Giám Sát theo quy định tại Hợp Đồng Giám Sát.
 - c) Quỹ hết thời gian hoạt động, bị giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập.
 - d) Theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư.
2. Trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát được chuyển giao cho ngân hàng giám sát khác theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG VIII.

CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

Điều 42. Các hoạt động được ủy quyền (các dịch vụ được thuê ngoài)

Công Ty Quản Lý Quỹ được ủy quyền thuê bên thứ ba làm nhà cung cấp dịch vụ quản trị quỹ đầu tư, dịch vụ đại lý chuyên nhượng và các hoạt động khác phù hợp quy định pháp luật.

Điều 43. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Tiêu chí chung:
 - (a) Được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam.
 - (b) Được phép cung cấp các dịch vụ liên quan phù hợp với quy định của pháp luật.
 - (c) Có năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm và cách làm việc chuyên nghiệp phù hợp với yêu cầu của Công Ty Quản Lý Quỹ về cung cấp dịch vụ liên quan.
2. Tiêu chí kỹ thuật:

Tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan phải có bộ phận chuyên trách cung cấp dịch vụ liên quan. Bộ phận chuyên trách này phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo, phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với mỗi dịch vụ có liên quan cụ thể.

Điều 44. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền:

Tổ chức nhận ủy quyền phải thực hiện các công việc theo đúng ủy quyền đã giao phù hợp với các quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trên các công việc mà mình làm.
2. Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các bên nhận ủy quyền:

Bộ phận cung cấp dịch vụ của bên nhận ủy quyền phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo; toàn bộ chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu phải được quản lý độc lập với các bộ phận khác của bên nhận ủy quyền.

Tổ chức được lựa chọn làm đại lý chuyên nhượng phải là tổ chức có cơ sở kỹ thuật, vật chất để có thể phối hợp với Đại Lý Phân Phối và Nhà Đầu Tư, đồng thời có phần mềm ứng dụng có thể tương tác tốt với Đại Lý Phân Phối và Công Ty Quản Lý Quỹ, có tính bảo mật cao, bảo vệ được các thông tin liên quan đến Nhà Đầu Tư, phù hợp với pháp luật và chuẩn mực quốc tế.

Tổ chức được lựa chọn cung cấp dịch vụ quản trị quỹ đầu tư phải có kế hoạch khôi phục và hỗ trợ thay thế khi hệ thống có trục trặc xảy ra. Hệ thống báo cáo và phê duyệt báo

cáo được xây dựng phù hợp với pháp luật.

3. Yêu cầu về chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu:

Các chứng từ, sổ sách liên quan đến các dịch vụ được ủy quyền thực hiện phải được tổ chức nhận ủy quyền lưu trữ trong thời hạn quy định của pháp luật. Đồng thời, tổ chức nhận ủy quyền phải có trách nhiệm tạo dựng cơ sở dữ liệu phù hợp với nhu cầu công việc đảm bảo thuận tiện, đầy đủ và đúng theo yêu cầu do luật định.

4. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới Nhà Đầu Tư và đối tác của Công Ty Quản Lý Quỹ.

Điều 45. Trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với Quỹ.
2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thẩm định và lập biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất, bảo đảm bên nhận ủy quyền có đủ trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện các hoạt động được ủy quyền.
3. Thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định này.
4. Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền.
5. Xây dựng có quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền.
6. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công Ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà Đầu Tư.
7. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền.
8. Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền.

Điều 46. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

1. Bên nhận ủy quyền chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ đã được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a) Bên nhận ủy quyền đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình.
 - b) Bên nhận ủy quyền chấm dứt hoạt động, bị giải thể, phá sản.
 - c) Theo đề nghị của Công Ty Quản Lý Quỹ.
 - d) Theo đề nghị của Đại Hội Nhà Đầu Tư.
 - e) Quỹ bị giải thể.

- f) Quỹ sáp nhập, hợp nhất vào một quỹ khác theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư.
 - g) Bên nhận ủy quyền bị thu hồi Giấy phép về lĩnh vực thực hiện.
 - h) Bên nhận ủy quyền hợp nhất hoặc bị sáp nhập bởi Tổ chức khác.
2. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Bên nhận ủy quyền chỉ chấm dứt từ thời điểm hoàn tất việc bán giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho Bên nhận ủy quyền nhận bán giao hoặc với Công Ty Quản Lý Quỹ. Bên nhận ủy quyền nhận bán giao phải lập biên bản bán giao giữa hai Tổ chức có xác nhận của Công Ty Quản Lý Quỹ.

CHƯƠNG IX.

ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Điều 47. Điều kiện lựa chọn Đại Lý Phân Phối

1. Tổ chức được Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn làm Đại Lý Phân Phối phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - a) Là các công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán, công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm và tổ chức kinh tế khác đã có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng và ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ mở với Công Ty Quản Lý Quỹ.
 - b) Tại thời điểm đăng ký hoạt động, có ít nhất một (01) địa điểm kinh doanh được lựa chọn là địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ đáp ứng quy định pháp luật.
 - c) Có quy trình nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhật thông tin, biện pháp xác minh thông tin về Nhà Đầu Tư và người hưởng lợi, quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ, quy định nội bộ nhằm ngăn ngừa hành vi giao dịch muợn sau thời điểm nhận lệnh, ngăn ngừa hành vi đầu cơ lợi dụng chênh lệch thời gian, lợi dụng việc định giá sai đơn vị quỹ theo thông lệ quốc tế.
2. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm đánh giá cơ sở vật chất trước khi lựa chọn Đại Lý Phân Phối và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho Nhà Đầu Tư. Trường hợp Đại Lý Phân Phối thực hiện phân phối Chứng Chỉ Quỹ trên môi trường mạng, báo cáo đánh giá cơ sở vật chất phải liệt kê đầy đủ chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối và các nội dung đánh giá các Đại Lý Phân Phối này đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 11 Điều 78 Thông tư 98 (được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 136). Báo cáo đánh giá cơ sở vật chất của Đại Lý Phân Phối, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở Công Ty Quản Lý Quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.
3. Công Ty Quản Lý Quỹ được phân phối chứng chỉ quỹ mở do mình quản lý. Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo UBCKNN, cập nhật thông tin tại Bản Cáo Bạch và tuân thủ các quy định về Đại Lý Phân Phối. Đồng thời, Công Ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm các nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ không được kiêm nhiệm làm việc tại các bộ phận quản lý tài sản, phân tích đầu tư, kiểm soát nội bộ.

Điều 48. Hoạt động của Đại Lý Phân Phối

Hoạt động của Đại Lý Phân Phối gồm:

1. Tổng hợp đầy đủ thông tin về Nhà Đầu Tư và người được hưởng lợi theo quy định của pháp luật chứng khoán và các quy định về phòng, chống rửa tiền và đấu tranh chống tài trợ khủng bố.
2. Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà Đầu Tư tới tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý

chuyển nhượng một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại Lý Phân Phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch chứng chỉ quỹ cho Nhà Đầu Tư; Đại Lý Phân Phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ thông tin theo mẫu quy định của pháp luật điều chỉnh. Phiếu lệnh phải được Đại Lý Phân Phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về luật chứng khoán. Đồng thời bảo đảm ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ Nhà Đầu Tư. Trường hợp nhận lệnh qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác thì tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử.

3. Hỗ trợ Nhà Đầu Tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại sở chính, xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ của Nhà Đầu Tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định pháp luật.
4. Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà Đầu Tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà Đầu Tư một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời mọi thông tin và giải đáp thắc mắc của Nhà Đầu Tư về sản phẩm quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư, cung cấp cho Nhà Đầu Tư Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của Quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ.
5. Hỗ trợ Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của Nhà Đầu Tư.
6. Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà Đầu Tư và các giao dịch của Nhà Đầu Tư theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Cung cấp các thông tin này cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và UBCKNN theo yêu cầu của các tổ chức này.

Điều 49. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ

1. Đại Lý Phân Phối không phải là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại không được làm đại lý ký danh; phải tách bạch việc phân phối Chứng Chỉ Quỹ với các sản phẩm khác tại các địa điểm phân phối và trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối Chứng Chỉ Quỹ đã thông báo với UBCKNN; chỉ được sử dụng thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng tại địa điểm phân phối và trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối Chứng Chỉ Quỹ đã thông báo với UBCKNN hoặc cung cấp thông tin cho Nhà Đầu Tư theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư.
2. Đại Lý Phân Phối thực hiện quy định chung về nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ theo Điều 78 Thông tư 98 (được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 136).

Điều 50. Hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với Quỹ do mình quản lý

Công Ty Quản Lý Quỹ có thể phân phối chứng chỉ quỹ do mình quản lý như sau:

1. Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà Đầu Tư tới tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Công Ty Quản Lý Quỹ không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch chứng chỉ quỹ cho Nhà Đầu Tư; Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được nhận lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ thông tin theo mẫu quy định của pháp luật điều chỉnh. Phiếu lệnh phải được Công Ty Quản Lý Quỹ lưu trữ theo quy định của pháp luật về luật chứng khoán. Đồng thời bảo đảm ghi nhận đầy đủ, chính

xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ Nhà Đầu Tư. Trường hợp nhận lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác thì tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử, bằng các phương thức cụ thể sau:

- a) Qua ứng dụng di động/ứng dụng web của Công Ty Quản Lý Quỹ.
 - b) Qua ứng dụng web của Công Ty Quản Lý Quỹ nhưng trên ứng dụng di động/ứng dụng web của bên thứ 3 khác (không phải là Đại Lý Phân Phối).
2. Thực hiện các hoạt động, công việc khác theo quy định tại Điều 48 của Điều lệ này.

CHƯƠNG X.

KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 51. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty kiểm toán

Công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Có giấy phép được cung cấp dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài chính cấp.
2. Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán.
3. Được UBCKNN cho phép kiểm toán quỹ đầu tư.
4. Không phải là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát.

Điều 52. Năm tài chính

Năm tài chính là 12 tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hằng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 53. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

Điều 54. Báo cáo tài chính

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.
2. Các báo cáo tài chính sẽ được kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban Đại Diện Quỹ và công bố công khai trên website của Công Ty Quản Lý Quỹ để Nhà Đầu Tư có thể tham khảo.

Điều 55. Báo cáo khác

Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Quỹ.

CHƯƠNG XI.

GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Điều 56. Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng sổ tay định giá để áp dụng một cách thống nhất

trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ tuân thủ quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ.

2. Công Ty Quản Lý Quỹ được ủy quyền cho Ngân Hàng Giám Sát xác định giá trị tài sản ròng, giá trị tài sản ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ. Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát phải có cơ chế và quy trình đối chiếu, soát xét, kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng được tinh chính xác và phù hợp số tay định giá, Điều lệ này và các quy định của pháp luật.
3. Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ phải được xác định định kỳ theo Ngày Giao Dịch hoặc những ngày mà NAV của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo (tháng, quý, năm) hoặc các mục đích khác.

Điều 57. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

1. Hằng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ lựa chọn và trình Ban Đại Diện Quỹ để phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá cho Quỹ. Tổ chức cung cấp báo giá phải thỏa mãn các điều kiện sau:
 - a) Có chức năng và được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá.
 - b) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá.
 - c) Không phải là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát.
2. Tiêu chí thay đổi tổ chức cung cấp báo giá: Khi có một trong những tiêu chí sau:
 - a) Tổ chức đang báo giá không còn chức năng hoặc không được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá.
 - b) Tổ chức đang báo giá trở thành là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát.
 - c) Có những thay đổi theo quy định của các cơ quan chức năng về phương thức báo giá.

Điều 58. Nguyên tắc, quy trình và phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ và Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ, trong đó:
 - a) Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường). Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ (như giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ giám sát...) tính đến ngày gần nhất trước Ngày Định Giá (ngày T-1). Giá Trị Tài Sản Ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ được hạch toán vào Quỹ.
 - b) Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ bằng Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ chia cho tổng số Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành tại Ngày Giao Dịch gần nhất trước đó.
2. Phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ và Giá Trị Tài Sản Ròng trên một đơn vị quỹ sẽ được ghi rõ trong số tay định giá và sẽ tuân thủ pháp luật và thông lệ quốc tế tốt nhất. Số tay định giá phải được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt và cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát để giám sát việc tính toán Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ. Những thay đổi trong số tay định giá phải được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.

3. Quy trình xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ:

- a) Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng của một Chứng Chỉ Quỹ dựa trên phương pháp định giá được quy định tại Điều 56 Điều Lệ Quỹ.
- b) Trước Ngày Định Giá:
- Các nghiệp vụ hàng ngày sẽ được cập nhật ngay khi phát sinh bao gồm:
- Các nghiệp vụ mua, bán chứng khoán trong ngày;
 - Các nghiệp vụ thanh toán chi phí liên quan đến Quỹ, các hợp đồng gửi tiền có kỳ hạn;
 - Các thông tin về quyền, cổ tức, cổ phiếu thưởng phát sinh liên quan đến chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ sẽ được ghi nhận vào ngày giao dịch không hưởng quyền;
 - Các nghiệp vụ phát hành thêm/mua lại chứng chỉ quỹ phát sinh sau Ngày giao dịch cuối cùng gần nhất;
 - Hàng tuần đối chiếu số dư tiền và chứng khoán tại Ngân Hàng Giám Sát;
 - Hàng tuần đối chiếu số lượng Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành với Đại lý chuyển nhượng;
 - Trích lập các khoản dự thu như lãi tiền gửi ngân hàng tính đến ngày trước Ngày Định Giá;
 - Trích lập các khoản dự chi như chi phí quản lý, chi phí Ngân Hàng Giám Sát, chi phí đại lý chuyển nhượng (nếu có), chi phí quản trị quỹ (nếu có) và các chi phí khác liên quan đến hoạt động của Quỹ... tính đến ngày trước Ngày Định Giá;
 - Thu thập giá chứng khoán giao dịch trên trang website của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Hồ Chí Minh, thu thập dữ liệu lãi suất trái phiếu trên Bloomberg, hoặc Reuters và các nguồn có liên quan dùng để định giá chứng khoán tính đến ngày trước Ngày Định Giá;
 - Thực hiện đánh giá lại chứng khoán trong danh mục đầu tư.
- c) Tại Ngày Định Giá:
- Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát xác nhận Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một đơn vị quỹ.
- d) Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi phát hiện Giá Trị Tài Sản Ròng bị định giá sai, Ngân Hàng Giám Sát phải thông báo và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ kịp thời điều chỉnh hoặc ngược lại trong trường hợp Ngân Hàng Giám Sát cung cấp dịch vụ xác định Giá Trị Tài Sản Ròng.
- e) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện Giá Trị Tài Sản Ròng bị định giá sai, Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát (trong trường hợp Ngân Hàng Giám Sát cung cấp dịch vụ xác định Giá Trị Tài Sản Ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho UBCKNN về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát cùng ký xác nhận.
- f) Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ giảm xuống dưới ba mươi (30) tỷ đồng, Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo UBCKNN và đề xuất phương án khắc phục.

Điều 59. Đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu Tư, Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ phải đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà Đầu Tư giao dịch Chứng Chi Quỹ khi định giá sai Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ với các mức sai lệch từ 0,75% Giá Trị Tài Sản Ròng trở lên. Công Ty Quản Lý Quỹ không phải đền bù cho những Nhà Đầu Tư thiệt hại ít hơn 100.000 đồng nhưng toàn bộ khoản tiền thanh toán của Công Ty Quản Lý Quỹ phải được đưa vào Quỹ và khoản tiền này sẽ được hạch toán vào thu nhập của Quỹ, trừ trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định khác.
2. Trong trường hợp Quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà Đầu Tư được xác định như sau:
 - a) Đối với Nhà Đầu Tư mua Chứng Chi Quỹ trước thời gian quỹ bị định giá sai và bán chứng chi trong thời gian quỹ bị định giá sai: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ Nhà Đầu Tư đã bán.
 - b) Đối với Quỹ: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ mà Quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện còn đang lưu hành.
3. Trong trường hợp Quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà Đầu Tư được xác định như sau:
 - a) Đối với Nhà Đầu Tư mua Chứng Chi Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian Quỹ bị định giá sai: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ Nhà Đầu Tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai.
 - b) Đối với Quỹ: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ mà Quỹ đã phát hành ra trước thời gian quỹ bị định giá sai và Quỹ đã mua lại trong thời gian đó.

CHƯƠNG XII.

GIÁ DỊCH VỤ PHÁT HÀNH, THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Điều 60. Giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ lưu ký, giám sát

1. Giá dịch vụ quản lý quỹ:

Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ được thanh toán cho Công Ty Quản Lý Quỹ để thực hiện các hoạt động quản lý đầu tư cho Quỹ. Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ được tính bằng tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ.

- Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ không vượt quá $1,8\% \times \text{NAV}/\text{năm}$ và được thanh toán hàng tháng cho Công Ty Quản Lý Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ tuân thủ tổng Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ, Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng và Giá dịch vụ quản trị quỹ không vượt quá $2\% \times \text{NAV}/\text{năm}$.

Trường hợp tăng Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ trên mức $1,8\% \text{NAV}/\text{năm}$ phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua.

Trường hợp điều chỉnh Giá dịch vụ không quá mức $1,8\% \text{NAV}/\text{năm}$ do Công Ty Quản Lý Quỹ xác định. Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thông báo cho Ban Đại Diện Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát, đồng thời cập nhật trong Bản Cáo Bạch. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ yêu cầu Ngân Hàng Giám Sát trích thu Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ phát sinh khi đến hạn.

- Trong mọi trường hợp, Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ sẽ tuân thủ các mức tối đa theo quy định của pháp luật.

- Số tiền giá dịch vụ phải trả hàng tháng là tổng số tiền được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- Giá dịch vụ quản lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
 - + Giá dịch vụ quản lý cho kỳ định giá = Tỷ lệ % giá dịch vụ quản lý (năm) x NAV tại ngày trước Ngày Định Giá x Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / Số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366).

- + Tổng Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng Giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Giá dịch vụ quản lý trong tháng được xác định như sau:

Giá dịch vụ quản lý trong tháng = [Tỷ lệ % Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ tính theo năm đang được áp dụng x NAV tại Ngày Định Giá của kỳ đầu tiên trong tháng x Số ngày lẻ thực tế từ đầu tháng đến Ngày Định Giá/ Số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366) + Giá dịch vụ quản lý của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ tính theo năm đang được áp dụng x NAV tại Ngày Định Giá cuối tháng x Số ngày lẻ thực tế còn lại trong tháng/Số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)].

2. Giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký:

- Phí hay giá dịch vụ ngân hàng lưu ký: là 0,05% Giá Trị Tài Sản Ròng một năm tính trên tổng Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ (chưa bao gồm VAT) vào Ngày Định Giá và được trả cho Ngân Hàng Giám Sát hàng tháng trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát và lưu ký cho Quỹ. Phí hay giá dịch vụ lưu ký tối đa được tính theo công thức như sau:

Phí hay giá dịch vụ lưu ký = 0,05% x Giá Trị Tài Sản Ròng tại Ngày Định Giá x Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)

(Tối thiểu 15.000.000 đồng/quỹ/tháng)

- Giá dịch vụ giám sát quỹ: là 0,02% Giá Trị Tài Sản Ròng một năm tính trên tổng Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ (chưa bao gồm VAT) vào Ngày Định Giá và được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ hàng tháng trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng để thực hiện dịch vụ giám sát cho Quỹ. Mức phí hay giá dịch vụ giám sát tối thiểu là 5.000.000 đồng/quỹ/tháng. Giá dịch vụ giám sát tối đa được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ giám sát quỹ = 0,02% x Giá Trị Tài Sản Ròng tại Ngày Định Giá x Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

(Tối thiểu 5.000.000 đồng/quỹ/tháng)

3. Giá dịch vụ quản trị quỹ:

- Giá dịch vụ quản trị quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ và được tính bằng tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ.
- Giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,03%/năm trên NAV tại ngày trước Ngày Định Giá, tối thiểu là 15.000.000 đồng/quỹ/tháng và được thanh toán hàng tháng cho tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

4. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng:

- Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho Quỹ.

TT	Loại tiền dịch vụ	Mức tiền (Chưa bao gồm VAT)
1	Tiền cố định hằng tháng.	12.000.000 VND/tháng áp dụng khi Quỹ có tần suất giao dịch > 02 phiên/tuần.
2	Tiền thiết lập, duy trì thông tin - Thiết lập dữ liệu Đại Lý Phân Phối, Ngân Hàng Giám Sát. - Thiết lập dữ liệu Nhà Đầu Tư. - Duy trì thông tin tài khoản Nhà Đầu Tư.	Miễn phí.
4	Tiền cung cấp thông tin - Thông tin giao dịch hằng ngày. - Thông tin kết quả giao dịch tại các ngày giao dịch. - Thông tin về số lượng Chứng Chi Quỹ đang lưu hành. - Thông tin danh sách Nhà Đầu Tư sở hữu Chứng Chi Quỹ.	Miễn phí.
5	Tiền thực hiện quyền - Lập danh sách thực hiện quyền.	1.000.000 VND/lần lập danh sách.

- Tiền khác: Trường hợp có yêu cầu cung cấp thông tin đặc thù hoặc các công việc khác, mức tiền Công Ty Quản Lý Quỹ trả cho VSDC đối với các dịch vụ này được thực hiện trên cơ sở vẫn bản thỏa thuận đã được hai bên thống nhất.

Điều 61. Thu nhập của Quỹ

Thu nhập của Quỹ bao gồm các khoản sau:

1. Cổ tức.
2. Lãi trái phiếu.
3. Lãi tiền gửi.
4. Chênh lệch mua bán từ các hoạt động đầu tư của Quỹ.
5. Các khoản thu nhập khác, nếu có, phát sinh từ việc đầu tư tài sản của Quỹ.

Điều 62. Chi phí hoạt động của Quỹ

Chi phí hoạt động của Quỹ bao gồm các khoản chi phí sau thuế sau:

1. Chi phí quản lý tài sản trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ.
2. Chi phí lưu ký tài sản quỹ, chi phí giám sát trả cho Ngân Hàng Giám Sát.
3. Chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyên nhượng và các chi phí khác mà Công Ty Quản Lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan.
4. Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán.
5. Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ bảo hiểm và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại Diện Quỹ.

6. Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và tài liệu khác cho Nhà Đầu Tư, chi phí công bố thông tin của quỹ, chi phí tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Ban Đại Diện Quỹ.
7. Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ.
8. Tỷ lệ chi phí hoạt động được tính theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động của Quỹ} \times 100\%}{\text{Giá Trị Tài Sản Rộng trung bình trong năm}}$$
 Giá Trị Tài Sản Rộng trung bình trong năm là Tổng Giá Trị Tài Sản Rộng Của Quỹ tính tại các Ngày Định Giá chia cho số Ngày Định Giá Chứng Chỉ Quỹ trong năm.
9. Trường hợp Quỹ thành lập và hoạt động dưới một (01) năm, tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{(\text{Tổng chi phí hoạt động của quỹ} \times 365 \times 100\%)}{(\text{Giá Trị Tài Sản Rộng trung bình trong kỳ báo cáo} \times \text{Thời gian quỹ đã hoạt động})}$$
 (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép).

Điều 63. Chi phí khác

Các chi phí khác của Quỹ bao gồm:

1. Phí môi giới hợp lý, hợp lệ liên quan đến các giao dịch tài sản Quỹ.
2. Thuế, phí và lệ phí mà Quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật.
3. Tiền vay phải trả đối với các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều Lệ Quỹ và quy định của pháp luật.
4. Chi phí, giá dịch vụ kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán.
5. Chi phí, giá dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ bảo giá và các dịch vụ hợp lý khác.
6. Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà Đầu Tư, chi phí công bố thông tin của Quỹ, chi phí tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Ban Đại Diện Quỹ.
7. Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ.
8. Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá tài sản Quỹ.
9. Chi phí sửa đổi Điều Lệ Quỹ vì quyền lợi của Nhà Đầu Tư.
10. Chi phí liên quan đến việc tổ chức, triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư và Ban Đại Diện Quỹ không theo yêu cầu hoặc không vì quyền lợi của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát.
11. Các chi phí liên quan đến việc in ấn, bố cáo, thông tin các hoạt động liên quan đến Quỹ, phát hành Bản Cáo Bạch khi phát hành Chứng Chỉ Quỹ.
12. Thù lao/thưởng cho Ban Đại Diện Quỹ.
13. Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban Đại Diện Quỹ quyết định.
14. Các chi phí hợp lý, hợp lệ khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 64. Phân chia lợi tức của Quỹ

1. Lợi Tức Quỹ được phân phối cho Nhà Đầu Tư dựa trên đề xuất của Công Ty Quản Lý Quỹ, được sự chấp thuận của Ban Đại Diện Quỹ và trình Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua.
2. Lợi Tức Quỹ chỉ được phân phối trong trường hợp Quỹ có lợi nhuận thực hiện trong kỳ là số dương hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi trích lập đầy đủ các quỹ (nếu có) theo quy định tại

- Điều Lệ Quỹ và hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính (nếu có) theo quy định của pháp luật.
3. Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và bảo đảm giá trị tài sản ròng không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng.
 4. Lợi Tức Quỹ có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng chứng chi quỹ phát hành thêm hoặc bằng tài sản khác theo quy định của pháp luật. Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chi quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
 5. Nếu xét thấy phù hợp, dựa trên đề xuất của Công Ty Quản Lý Quỹ, được sự chấp thuận của Ban Đại Diện Quỹ, Ban Đại Diện Quỹ có thể quyết định tạm ứng cho Nhà Đầu Tư một mức lợi tức tạm tính mà lợi nhuận hoặc quỹ dự trữ khác của Quỹ cho phép sau khi đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua mức lợi tức hằng năm.

CHƯƠNG XIII. TÀI CƠ CẤU, GIẢI THỂ QUỸ

Điều 65. Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách Quỹ

1. Việc hợp nhất, sáp nhập, chia, tách Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được Đại Hội Nhà Đầu Tư chấp thuận.
2. Việc chia, tách Quỹ sẽ tiến hành trong các trường hợp sau:
 - a) Công Ty Quản Lý Quỹ không thể xác định được NAV của Quỹ vào Ngày Định Giá để mua lại Chứng Chi Quỹ do chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ bị đình chỉ giao dịch theo quyết định của Sở giao dịch chứng khoán.
 - b) Theo quyết định bằng văn bản của UBCKNN.
3. Việc hợp nhất, sáp nhập, chia, tách Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

Điều 66. Giải thể Quỹ

1. Việc giải thể Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được Đại Hội Nhà Đầu Tư chấp thuận.
2. Việc giải thể Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

CHƯƠNG XIV. GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 67. Kiểm soát xung đột lợi ích

Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các quỹ khác, các khách hàng ủy thác đầu tư của Công Ty Quản Lý Quỹ và giữa Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ:

1. Công Ty Quản Lý Quỹ phải:
 - Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý;
 - Tách biệt tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ với tài sản của các quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý, tài sản của nhà đầu tư ủy thác; tách biệt tài sản của các quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý.
2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Công Ty Quản Lý Quỹ, thành viên Ban điều hành, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ phải được báo

cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều Lệ Quỹ và pháp luật hiện hành.

3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công Ty Quản Lý Quỹ.

CHƯƠNG XV.

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 68. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà Đầu Tư

1. Việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật.
2. Việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
3. Thông báo triệu tập phiên họp Ban Đại Diện Quỹ được xem là truyền đạt đến mỗi thành viên Ban Đại Diện Quỹ nếu được thông báo trực tiếp cho thành viên Ban Đại Diện Quỹ hoặc được gửi bằng văn bản đến địa chỉ do thành viên Ban Đại Diện Quỹ đã thông báo cho Quỹ.
4. Tất cả các thông báo hoặc tài liệu phát hành và gửi đến cho Nhà Đầu Tư phải được gửi đến địa chỉ của Nhà Đầu Tư đăng ký trong Sổ đăng ký. Nhà Đầu Tư phải thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ về bất kỳ thay đổi nào liên quan đến địa chỉ.
5. Tất cả các thông báo hoặc tài liệu gửi qua đường bưu điện sẽ được coi là đã gửi khi thư chứa thông báo hoặc tài liệu được gửi qua bưu điện và trên thư được ghi đúng địa chỉ người nhận và gửi đi.
6. Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt; báo cáo tài chính đã kiểm toán; báo cáo tài chính bán niên; báo cáo hoạt động của Quỹ hàng tháng, hàng năm sẽ được cung cấp miễn phí cho Nhà Đầu Tư trên trang thông tin điện tử (website) của Công Ty Quản Lý Quỹ và hệ thống Đại Lý Phân Phối, hoặc gửi trực tiếp qua thư điện tử cho Nhà Đầu Tư.
7. Thư triệu tập, thông báo, mệnh lệnh, hoặc tài liệu cần gửi cho Quỹ hoặc người điều hành của Quỹ có thể gửi bằng cách giao thẳng hoặc gửi qua bưu điện đến địa chỉ của văn phòng do Quỹ đã đăng ký, trong một phong bì có dán tem ghi tên Quỹ hay người điều hành quỹ nhận.

Điều 69. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải báo cáo UBCKNN.
2. Quy định tại Khoản 1 của Điều này sẽ không áp dụng cho các sửa đổi đối với chỉnh sửa các lỗi ngữ pháp, lỗi chính tả, văn phạm không ảnh hưởng đến nội dung của Điều lệ; Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ sửa đổi khi những lỗi đó hoặc những thay đổi đó được phát hiện hoặc trở nên cần thiết. Sau khi sửa đổi, bổ sung Điều lệ trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thông báo cho Nhà Đầu Tư biết về những nội dung sửa đổi, bổ sung và cập nhật vào Điều Lệ Quỹ.
3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quỹ chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Quỹ.

Điều 70. Đăng ký Điều lệ, điều khoản thi hành

1. Bản Điều lệ này gồm 15 Chương, 70 Điều đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua bằng hình thức chấp thuận bằng văn bản khi Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ giai đoạn chào bán ra công chúng. Tại thời điểm đó, Điều Lệ Quỹ có hiệu lực kể từ khi UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ và sẽ tiếp tục có hiệu lực cho đến khi có Điều lệ mới được cập nhật và thông qua.
2. Điều lệ được lập bằng tiếng Việt và có thể được dịch sang tiếng Anh cho mục đích tham khảo.
3. Các bản trích hay sao y của bản Điều lệ này do Quỹ cấp phải có chữ ký của Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ hoặc người đại diện hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ thì mới có giá trị.
4. Điều lệ được lập thành sáu (06) bản chính có giá trị pháp lý như nhau.
5. Đính kèm cùng Điều lệ các Phụ lục sau:

PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PVI *hs*



Trịnh Quỳnh Giao

PHỤ LỤC 1
CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công Ty Quản Lý Quỹ: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PVI

- Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh: Số 55/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 03/02/2015 (và các giấy phép được điều chỉnh tại từng thời điểm).
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0106773521 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 03/02/2015 và các giấy phép được thay đổi tại từng thời điểm.

Công Ty Quản Lý Quỹ cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Quý:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều Lệ Quỹ trong hoạt động quản lý quỹ.
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quý, ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà Đầu Tư.
3. Đảm bảo Quý luôn có một Ngân Hàng Giám Sát vào mọi thời điểm.
4. Trả cho Ngân Hàng Giám Sát các khoản giá dịch vụ và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.
5. Định kỳ cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát các thông tin sau:
 - a) Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của Quý, Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư và số lượng Chứng Chi Quỹ mà Nhà Đầu Tư nắm giữ;
 - b) Các báo cáo liên quan đến Quý hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quý;
 - c) Bản đánh giá giá trị tài sản ròng của Quý, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ;
 - d) Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý quỹ và nghĩa vụ khác.
6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao Điều Lệ Quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản Cáo Bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc những người có liên quan đến Công Ty Quản Lý Quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép.
8. Không sử dụng vị thế của Công Ty Quản Lý Quỹ trong hoạt động quản lý quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính Công ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu Tư.
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quý một cách trung thực, chính xác và kịp thời.
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hằng năm và các báo cáo khác của Quý cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.
11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hằng năm của Ngân Hàng Giám Sát đánh giá về hoạt động quản lý quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.
12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc người đại diện Công Ty Quản Lý Quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi Nhà Đầu Tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho Nhà Đầu Tư.

13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của Quý có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.
14. Báo cáo kịp thời cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của Quý giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát không thống nhất.
15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định của pháp luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PVI *Jus*



TRỊNH QUỲNH GIAO

PHỤ LỤC 2
CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân Hàng Giám Sát: NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH NAM KỲ KHÔI NGHĨA

- Giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh số: 0100150619-079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 29/11/2004 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số: 106/QĐ-UBCK do UBCKNN cấp ngày 14/05/2003 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).

Ngân Hàng Giám Sát cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều Lệ Quỹ trong hoạt động giám sát.
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một Công Ty Quản Lý Quỹ tại mọi thời điểm.
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng ngân hàng giám sát đối với Quỹ.
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các Nhà Đầu Tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.
5. Tách biệt tài sản của Quỹ khỏi tài sản của Ngân Hàng Giám Sát, tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của Ngân Hàng Giám Sát.
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản Quỹ, việc xác định Giá Trị Tài Sản Rộng Của Quỹ, xác định Giá Trị Tài Sản Rộng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.
7. Bằng những nỗ lực tốt nhất giám sát để Công Ty Quản Lý Quỹ không lợi dụng vị thế quản lý quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu Tư.
8. Thực hiện nghĩa vụ ghi chép và theo dõi tất cả các giao dịch, các khoản lãi, cổ tức và thu nhập được nhận hoặc được phân phối của Quỹ.
9. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Minh Châu

PHỤ LỤC 3

CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Công Ty Quản Lý Quỹ: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PVI

- Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh: Số 55/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 03/02/2015 (và các giấy phép được điều chỉnh tại từng thời điểm).
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0106773521 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 03/02/2015 và các giấy phép được thay đổi tại từng thời điểm.

Ngân Hàng Giám Sát: NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH NAM KỲ KHƠI NGHĨA

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29/11/2004 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).
 - Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số: 106/GDHDLK do UBCKNN cấp lần đầu ngày 14/05/2003 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).
1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các Nhà Đầu Tư.
 2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ.
 3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của người đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn.
 4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều Lệ Quỹ hoặc Bản Cáo Bạch.



TRỊNH QUỲNH GIAO



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Minh Châu

